

1 **Toàn văn dự thảo Luật đặc khu gây tranh cãi**

2 Lệ Chi - 07:39 07/06/2018

3

4 **(VNF) - Xem toàn văn dự thảo Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân**  
5 **Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc (gọi tắt là Luật đặc khu) được Quốc hội thảo**  
6 **luận ở hội trường lần cuối vào ngày 23/5, dự kiến biểu quyết thông qua vào**  
7 **15/6.**

8 **Dự thảo Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong,**  
9 **Phú Quốc sẽ được Quốc hội "bấm nút" vào ngày 15/6 tới**

10

11 **TOÀN VĂN DỰ THẢO LUẬT ĐẶC KHU**

12 Theo kế hoạch, dự thảo [Luật Đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Bắc](#)  
13 [Vân Phong, Phú Quốc](#) (gọi tắt là Luật đặc khu) sẽ được Quốc hội "bấm nút" vào ngày  
14 15/6 tới.

15 Kể từ khi được đưa ra Quốc hội (kỳ họp thứ 4, tháng 10/2017) đến nay, dự thảo [Luật](#)  
16 [đặc khu](#) đã nhận được vô số góp ý, phản biện và đã được tiếp thu, chỉnh lý. Sau phiên  
17 thảo luận tại nghị trường hôm 23/5/2018, dự thảo luật vẫn tiếp tục là chủ đề gây tranh  
18 cãi trong dư luận xã hội.

19 Một trong những vấn đề được dư luận quan tâm nhất là nội dung nhà đầu tư được  
20 phép [thuê đất tới 99 năm tại các đặc khu](#). Dư luận cho rằng thời gian cho thuê kéo  
21 dài như vậy sẽ tạo ra các nguy cơ và hệ lụy khó lường cho đất nước.

22 VietnamFinance xin được giới thiệu **Toàn văn dự thảo Luật đặc khu**

23

24 [\*\*http://vietnamfinance.vn/toan-van-du-thao-luat-dac-khu-gay-tranh-cai-\*\*](http://vietnamfinance.vn/toan-van-du-thao-luat-dac-khu-gay-tranh-cai-20180504224207860.htm)  
25 [\*\*20180504224207860.htm\*\*](http://vietnamfinance.vn/toan-van-du-thao-luat-dac-khu-gay-tranh-cai-20180504224207860.htm)

26

27 **Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

28 **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

29 Luật này quy định về quy hoạch, cơ chế, chính sách đặc biệt về phát triển kinh tế - xã  
30 hội, tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương và cơ quan khác của Nhà nước  
31 tại các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), Bắc Vân Phong  
32 (tỉnh Khánh Hòa), Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang); nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan  
33 nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương ở tỉnh đối với đơn vị hành chính -  
34 kinh tế đặc biệt.

## 35 **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

36 Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các đơn vị hành  
37 chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc.

## 38 **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

39 Trong Luật này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

40 1. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (sau đây gọi là đặc khu) là đơn vị hành chính  
41 thuộc tỉnh, do Quốc hội quyết định thành lập, có cơ chế, chính sách đặc biệt về phát  
42 triển kinh tế - xã hội, có tổ chức đặc biệt về chính quyền địa phương và cơ quan khác  
43 của Nhà nước.

44 2. Khu chức năng là khu vực phát triển kinh tế theo các chức năng chuyên biệt hoặc  
45 hỗn hợp phù hợp với đặc điểm của từng đặc khu, được xác định trong quy hoạch đặc  
46 khu, có ranh giới địa lý xác định, nằm trên địa bàn một hoặc một số khu hành chính  
47 hoặc độc lập với các khu hành chính, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định  
48 thành lập.

49 Khu chức năng gồm khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, khu công nghiệp, khu  
50 chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu hỗ trợ  
51 khởi nghiệp sáng tạo và khu chức năng khác.

52 3. Khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo là khu chức năng chuyên cung cấp cơ sở hạ tầng kỹ  
53 thuật, nguồn lực, dịch vụ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện ý tưởng trên cơ sở  
54 khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, có khả năng tăng trưởng  
55 nhanh.

56 4. Khu thương mại tự do là khu chức năng đáp ứng các điều kiện và được áp dụng quy  
57 chế như đối với khu phi thuế quan, thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ quy  
58 định tại Điều 29 của Luật này.

59 5. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có năng lực tài chính, quản trị, có cam kết bằng  
60 văn bản trong việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, hiện đại, thân thiện với môi

61 trường, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với đặc khu và có dự  
62 án đầu tư tại đặc khu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

63 a) Dự án đầu tư khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino với quy mô  
64 vốn đầu tư tối thiểu 44.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân theo đúng tiến độ cam kết,  
65 nhưng không quá 08 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

66 b) Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phù hợp với quy hoạch đặc khu, có quy mô vốn đầu tư  
67 tối thiểu 12.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân trong thời hạn không quá 05 năm kể từ  
68 khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

69 c) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của đặc  
70 khu, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân trong thời hạn  
71 không quá 03 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

72 d) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy hoạch đặc khu, có ảnh hưởng  
73 lớn đến phát triển kinh tế - xã hội hoặc tạo ra giá trị gia tăng đột biến tại đặc khu của  
74 công ty thuộc danh sách 500 công ty lớn nhất thế giới theo xếp hạng của Tạp chí  
75 Forbes của năm liền trước năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, có quy mô vốn  
76 đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân trong thời hạn không quá 03 năm kể  
77 từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

## 78 **Toàn văn dự thảo Luật An ninh mạng sắp được thông qua**

### 79 **Điều 4. Chính sách của Nhà nước về phát triển đặc khu**

80 1. Nhà nước có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút đầu tư  
81 vào các ngành, nghề ưu tiên phát triển của đặc khu; xây dựng các đặc khu theo hướng  
82 xanh - tri thức - bền vững, áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, hình thành môi  
83 trường sống văn minh, hiện đại, chất lượng cao; bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn  
84 định chính trị - xã hội tại đặc khu.

85 2. Chính quyền địa phương ở đặc khu có bộ máy quản lý hành chính tinh gọn; có thẩm  
86 quyền phù hợp, hiệu lực, hiệu quả; được áp dụng thủ tục hành chính thuận lợi, đáp  
87 ứng yêu cầu của nhà đầu tư, tổ chức và cá nhân.

### 88 **Điều 5. Áp dụng các luật có liên quan và điều ước quốc tế**

89 1. Những nội dung về quy hoạch, cơ chế, chính sách đặc biệt về phát triển kinh tế - xã  
90 hội, tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương và cơ quan khác của Nhà nước  
91 ở đặc khu được áp dụng theo quy định của Luật này.

92 2. Những nội dung không được quy định tại Luật này thì áp dụng quy định của pháp  
93 luật có liên quan; đối với chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư không được quy định tại Luật  
94 này thì áp dụng quy định của pháp luật có liên quan đối với khu kinh tế.

95 3. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này với các luật có liên quan về cùng  
96 một nội dung thì áp dụng quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4  
97 Điều này.

98 4. Trường hợp các luật có liên quan được ban hành sau ngày Luật này có hiệu lực thi  
99 hành có quy định thuận lợi hơn về ưu đãi đầu tư, điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư  
100 thì áp dụng quy định của các luật có liên quan.

101 5. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên  
102 (sau đây gọi là điều ước quốc tế) có quy định khác với quy định tại Luật này và luật  
103 khác có liên quan thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ trường hợp quy  
104 định tương ứng của Luật này và luật khác có liên quan thuận lợi hơn về ưu đãi đầu tư,  
105 điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước  
106 ngoài được thành lập và hoạt động tại đặc khu.

107 6. Nguyên tắc áp dụng pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế quy định tại khoản 5  
108 Điều này không được cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Việt Nam theo các  
109 điều ước quốc tế.

## 110 **Điều 6. Áp dụng pháp luật nước ngoài hoặc tập quán quốc tế đối với các hợp** 111 **đồng dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động có yếu tố nước ngoài**

112 1. Đối với các hợp đồng dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động được ký kết giữa tổ  
113 chức, cá nhân có trụ sở chính hoặc nơi cư trú tại đặc khu, trong đó có ít nhất một bên  
114 tham gia là tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bên được thỏa thuận trong hợp đồng việc  
115 áp dụng pháp luật nước ngoài hoặc tập quán quốc tế.

116 Trường hợp đối tượng của hợp đồng là bất động sản tại Việt Nam hoặc hợp đồng lao  
117 động ảnh hưởng đến quyền lợi tối thiểu của người lao động, hợp đồng tiêu dùng ảnh  
118 hưởng đến quyền lợi tối thiểu của người tiêu dùng theo quy định của pháp luật Việt  
119 Nam thì áp dụng pháp luật Việt Nam.

120 2. Việc áp dụng pháp luật nước ngoài hoặc tập quán quốc tế theo quy định tại khoản 1  
121 Điều này không được gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an  
122 toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật và không  
123 được trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự Việt Nam.

## 124 **Điều 7. Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh**

125 1. Tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh tại đặc khu được giải quyết theo quy  
126 định của pháp luật về đầu tư, pháp luật có liên quan, điều ước quốc tế, quy định tại  
127 khoản 2 và khoản 3 Điều này.

128 2. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại đặc  
129 khu, trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn  
130 đầu tư nước ngoài được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức sau  
131 đây:

132 a) Trọng tài Việt Nam;

133 b) Trọng tài nước ngoài;

134 c) Trọng tài quốc tế;

135 d) Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập;

136 đ) Tòa án Việt Nam.

137 3. Ngoài các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này, tranh chấp giữa các nhà  
138 đầu tư liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại đặc khu, trong đó có ít nhất một  
139 bên là nhà đầu tư nước ngoài còn có thể được giải quyết tại Tòa án nước ngoài, trừ  
140 tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết riêng biệt của Tòa án Việt Nam theo quy định  
141 của pháp luật về tố tụng dân sự.

142 4. Tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên  
143 quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại đặc khu được giải quyết thông qua Trọng tài  
144 Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo hợp đồng  
145 hoặc điều ước quốc tế có liên quan có quy định khác.

146 5. Bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước  
147 ngoài, Trọng tài quốc tế, Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập được  
148 công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật về tố tụng  
149 dân sự, điều ước quốc tế.

150 Việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài,  
151 phán quyết của Trọng tài nước ngoài, Trọng tài quốc tế, Trọng tài do các bên tranh  
152 chấp thỏa thuận thành lập không được gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc  
153 gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của  
154 luật và không được trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự Việt Nam.

155 **Chương II: QUY HOẠCH ĐẶC KHU**

156 **Điều 8. Quy hoạch đặc khu trong hệ thống quy hoạch quốc gia**

157 1. Quy hoạch đặc khu thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia, được lập trên toàn bộ không  
158 gian lãnh thổ của đặc khu.

159 2. Mỗi đặc khu chỉ có một quy hoạch tổng thể, được xây dựng phù hợp với quy hoạch  
160 tổng thể quốc gia, có tính kết nối với các quy hoạch khác trong hệ thống quy hoạch  
161 quốc gia.

162 3. Thời kỳ quy hoạch đặc khu do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề xuất  
163 của cơ quan lập quy hoạch, phù hợp với thời kỳ quy hoạch tổng thể quốc gia.

164 **Điều 9. Nội dung quy hoạch đặc khu**

165 1. Yêu cầu về nội dung quy hoạch:

166 a) Đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch;

167 b) Phù hợp với định hướng phát triển, ngành, nghề ưu tiên phát triển tại đặc khu;

168 c) Bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cộng đồng và nhu  
169 cầu của các nhà đầu tư tại đặc khu;

170 d) Bảo đảm tính cạnh tranh quốc tế của đặc khu.

171 2. Quy hoạch đặc khu gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

172 a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của đặc khu; dự báo các yếu  
173 tố, xu hướng phát triển trong nước và trên thế giới tác động đến định hướng phát triển,  
174 ngành, nghề ưu tiên phát triển tại đặc khu;

175 b) Quan điểm, mục tiêu và phương án phát triển của đặc khu cho từng thời kỳ;

176 c) Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật  
177 và xã hội;

178 d) Phương án phân bố không gian cho các hoạt động kinh tế - xã hội, dân sinh, quốc  
179 phòng, an ninh;

180 đ) Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu hành chính, khu chức năng và theo loại  
181 đất;

182 e) Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh  
183 học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn;

- 184 g) Định hướng thu hút dự án đầu tư vào đặc khu;  
185 h) Giải pháp và các nguồn lực thực hiện quy hoạch;  
186 i) Hệ thống sa đồ, sơ đồ, bản đồ, hệ thống dữ liệu thuyết minh cho quy hoạch.

187 **Điều 10. Lập quy hoạch đặc khu**

- 188 1. Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) lập  
189 quy hoạch đặc khu lần đầu.
- 190 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu lập quy hoạch đặc khu cho thời kỳ quy hoạch đặc  
191 khu tiếp theo.
- 192 3. Quy hoạch đặc khu được lập căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy  
193 hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch đặc khu thời kỳ trước.
- 194 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu (sau đây gọi là cơ  
195 quan lập quy hoạch) tổ chức lập quy hoạch đặc khu theo trình tự sau đây:
- 196 a) Xác định nhiệm vụ lập quy hoạch đặc khu;
- 197 b) Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch đặc khu theo quy định của pháp luật về đấu  
198 thầu; trường hợp tổ chức tư vấn có ý tưởng quy hoạch và giải pháp thực hiện được  
199 tuyển chọn có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật có liên quan thì được  
200 chỉ định thầu;
- 201 c) Xây dựng quy hoạch đặc khu;
- 202 d) Lấy ý kiến về quy hoạch đặc khu;
- 203 đ) Tổ chức tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh quy hoạch đặc khu;
- 204 e) Gửi hồ sơ để cơ quan có thẩm quyền thẩm định;
- 205 g) Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, hoàn chỉnh quy hoạch đặc khu;
- 206 h) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua quy hoạch đặc khu;
- 207 i) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

208 **Điều 11. Lấy ý kiến về quy hoạch đặc khu**

- 209 1. Cơ quan lập quy hoạch đặc khu có trách nhiệm lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ,  
210 cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học, nhà đầu tư chiến lược, cộng  
211 đồng dân cư sinh sống tại đặc khu về quy hoạch đặc khu.

212 2. Hình thức lấy ý kiến:

213 a) Việc lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia,  
214 nhà khoa học, nhà đầu tư chiến lược được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu  
215 và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch. Cơ quan, tổ chức,  
216 cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản;

217 b) Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư sinh sống tại đặc khu được thực hiện bằng hình  
218 thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch, niêm yết, trưng  
219 bày tại nơi công cộng;

220 c) Ngoài các hình thức quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan lập quy hoạch  
221 có thể lấy ý kiến bằng hình thức phát phiếu điều tra phỏng vấn, tổ chức hội nghị, hội  
222 thảo hoặc các hình thức phù hợp khác.

223 3. Cơ quan lập quy hoạch quyết định thời hạn lấy ý kiến, nhưng không ít hơn 30 ngày  
224 kể từ ngày gửi xin ý kiến hoặc ngày đăng tải, niêm yết, trưng bày.

225 4. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng  
226 góp; công khai ý kiến đóng góp và việc tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp; hoàn chỉnh  
227 quy hoạch để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, thông qua, phê duyệt quy  
228 hoạch.

## 229 **Điều 12. Thẩm định, phê duyệt quy hoạch đặc khu**

230 1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định quy hoạch đặc  
231 khu.

232 Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Chủ tịch Hội đồng; thành  
233 viên Hội đồng gồm đại diện các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các nhà khoa học, chuyên gia  
234 độc lập, tổ chức và cá nhân.

235 2. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, hoàn  
236 chỉnh quy hoạch đặc khu, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình  
237 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

238 3. Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## 239 **Điều 13. Công bố và thực hiện quy hoạch đặc khu**

240 1. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch đặc khu được Thủ tướng Chính phủ phê  
241 duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu công bố quy hoạch đặc khu, trừ những nội  
242 dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà  
243 nước.



244 Hình thức công bố quy hoạch đặc khu được thực hiện theo quy định của pháp luật về  
245 quy hoạch.

246 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu có trách nhiệm tổ chức triển khai quy hoạch; tổ  
247 chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch chi tiết để thực hiện quy hoạch đặc khu  
248 theo quy định của Chính phủ.

249 3. Hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội tại đặc khu phải phù hợp  
250 với quy hoạch đặc khu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

251 **Điều 14. Điều chỉnh quy hoạch đặc khu**

252 1. Việc điều chỉnh quy hoạch đặc khu được thực hiện phù hợp với nguyên tắc và các  
253 căn cứ điều chỉnh quy hoạch được quy định tại Luật Quy hoạch.

254 2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch được thực hiện theo thẩm  
255 quyền, trình tự, thủ tục lập quy hoạch quy định tại Luật này.

256 **Điều 15. Chi phí lập quy hoạch đặc khu**

257 Chi phí lập quy hoạch đặc khu được bảo đảm từ nguồn vốn ngân sách địa phương,  
258 nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

259 **Chương III: CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ  
260 HỘI TẠI ĐẶC KHU**

261

262 **Mục 1: ĐẦU TƯ KINH DOANH**

263 **Điều 16. Ngành, nghề ưu tiên phát triển tại đặc khu**

264 1. Tại đặc khu Vân Đồn ưu tiên phát triển các ngành, nghề: công nghệ cao; công  
265 nghiệp hỗ trợ công nghệ cao; du lịch và công nghiệp văn hóa; cảng hàng không, cảng  
266 biển, thương mại.

267 Danh mục ngành, nghề ưu tiên phát triển tại đặc khu Vân Đồn được quy định tại Phụ  
268 lục 1 của Luật này.

269 2. Tại đặc khu Bắc Vân Phong ưu tiên phát triển các ngành, nghề: công nghệ thông tin,  
270 điện tử, cơ khí chính xác; cảng biển; du lịch, khách sạn; trung tâm thương mại - tài  
271 chính.

272 Danh mục ngành, nghề ưu tiên phát triển tại đặc khu Bắc Vân Phong được quy định tại  
273 Phụ lục 2 của Luật này.

274 3. Tại đặc khu Phú Quốc ưu tiên phát triển các ngành, nghề: du lịch, khách sạn; thương  
275 mại, hội nghị, triển lãm, quản lý tài sản; y tế, giáo dục, nghiên cứu và phát triển.

276 Danh mục ngành, nghề ưu tiên phát triển tại đặc khu Phú Quốc được quy định tại Phụ  
277 lục 3 của Luật này.

278 4. Trường hợp xuất hiện các yếu tố quan trọng tác động tới định hướng phát triển của  
279 đặc khu, Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh ngành, nghề ưu tiên phát triển đối  
280 với từng đặc khu Vân Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc và báo cáo Ủy ban Thường vụ  
281 Quốc hội.

## 282 **Điều 17. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

283 1. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại đặc khu được quy định tại  
284 Phụ lục 4 của Luật này.

285 2. Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt  
286 động đầu tư kinh doanh tại đặc khu trong những ngành, nghề ưu tiên phát triển quy  
287 định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Luật này không phải đáp ứng điều kiện về  
288 tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ, hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, đối tác Việt Nam tham  
289 gia thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác áp dụng đối với nhà đầu tư nước  
290 ngoài quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế có liên quan.

291 3. Nhà đầu tư có đăng ký đầu tư tại đặc khu, tổ chức kinh tế thành lập tại đặc khu có  
292 quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy  
293 định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật của nước sở tại.

294 Trường hợp nhà đầu tư có đăng ký đầu tư tại đặc khu, tổ chức kinh tế thành lập tại đặc  
295 khu thực hiện hoạt động đầu tư ngoài phạm vi đặc khu thì phải tuân thủ điều kiện đầu  
296 tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, các luật, pháp lệnh, nghị định, điều ước  
297 quốc tế có liên quan và không được hưởng ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định  
298 của Luật này đối với hoạt động đầu tư ngoài đặc khu.

299 Việc cung cấp ra ngoài phạm vi đặc khu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của nhà đầu tư,  
300 tổ chức kinh tế hoạt động tại đặc khu trong các ngành, nghề thuộc Danh mục ngành,  
301 nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư nhưng không  
302 thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại đặc khu theo quy định  
303 của Luật này được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

304 4. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước tại từng đặc khu, Chủ  
305 tịch Ủy ban nhân dân đặc khu rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định:

306 a) Không áp dụng một hoặc một số ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư  
307 kinh doanh có điều kiện tại đặc khu quy định tại khoản 1 Điều này tại khu chức năng  
308 thuộc đặc khu;

309 b) Sửa đổi, bãi bỏ một hoặc một số điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề  
310 đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng tại đặc khu hoặc khu chức năng thuộc đặc khu.

### 311 **Điều 18. Hình thức đầu tư**

312 1. Nhà đầu tư có quyền đầu tư theo các hình thức sau đây:

313 a) Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế tại đặc khu;

314 b) Thực hiện dự án đầu tư tại đặc khu;

315 c) Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế có  
316 trụ sở chính tại đặc khu;

317 d) Đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức, cá nhân có trụ sở  
318 chính hoặc nơi cư trú tại đặc khu;

319 đ) Đầu tư theo hình thức hợp đồng đối tác công tư giữa nhà đầu tư và Chủ tịch Ủy ban  
320 nhân dân đặc khu;

321 e) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế có liên  
322 quan.

323 2. Ngoài các hình thức đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư có quyền đề  
324 xuất thực hiện hình thức đầu tư khác tại đặc khu phù hợp với thông lệ quốc tế và phù  
325 hợp với nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật này.

326 Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định việc thực hiện hình thức đầu tư quy định  
327 tại khoản này trên cơ sở đề xuất của nhà đầu tư và ý kiến của Ban tư vấn, hỗ trợ phát  
328 triển đặc khu.

### 329 **Điều 19. Thành lập tổ chức kinh tế tại đặc khu**

330 1. Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập tổ chức kinh tế tại đặc khu theo quy định của  
331 pháp luật.

332 2. Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không bắt buộc  
333 phải có dự án đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế tại đặc khu.

334 3. Trình tự, thủ tục đăng ký thành lập tổ chức kinh tế, chi nhánh, văn phòng đại diện  
335 của tổ chức kinh tế được thực hiện tại Trung tâm hành chính công đặc khu theo quy  
336 định của pháp luật tương ứng đối với từng loại hình tổ chức kinh tế.

337 Hồ sơ đăng ký thành lập tổ chức kinh tế không bắt buộc phải có Giấy chứng nhận đăng  
338 ký đầu tư.

339 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy  
340 chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đặt tại đặc khu.

341 5. Tổ chức kinh tế quy định tại khoản 2 Điều này chỉ được thực hiện hoạt động đầu tư  
342 kinh doanh ngoài phạm vi đặc khu sau khi có ít nhất một dự án đầu tư tại đặc khu được  
343 triển khai thực hiện.

#### 344 **Điều 20. Dự án đầu tư tại đặc khu thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư**

345 1. Dự án đầu tư tại đặc khu không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu  
346 tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, trừ dự án đầu tư công và các trường hợp quy định  
347 tại khoản 2 Điều này.

348 2. Nhà đầu tư có dự án đầu tư tại đặc khu thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu  
349 tư trong các trường hợp sau đây:

350 a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội theo quy định  
351 của Luật Đầu tư;

352 b) Dự án đầu tư kinh doanh cá cược, đặt cược, casino.

353 3. Việc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư quy định khoản 2 Điều này  
354 được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan; đối với trường  
355 hợp thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư thì  
356 Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư  
357 trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được quyết định chủ trương đầu tư của cơ  
358 quan có thẩm quyền.

#### 359 **Điều 21. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại đặc khu**

360 1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư tại đặc khu quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật này  
361 phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong các trường hợp sau  
362 đây:

363 a) Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy  
364 định của Luật Đầu tư;

365 b) Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo  
366 quy định của Luật Đầu tư;

367 c) Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu  
368 tư.

369 2. Việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được thực hiện theo trình tự sau đây:

370 a) Nhà đầu tư gửi hồ sơ dự án đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này đến Trung tâm  
371 hành chính công đặc khu;

372 b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu tổ chức đánh giá hồ sơ dự án đầu tư theo các nội  
373 dung quy định tại khoản 4 Điều này và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà  
374 đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư; trường hợp  
375 từ chối phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư và nêu rõ lý do;

376 c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu có trách nhiệm lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi  
377 trường trong trường hợp dự án đầu tư thuộc Danh mục các loại hình sản xuất công  
378 nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao quy định tại Phụ lục 5 của Luật này;  
379 quyết định việc lấy ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan liên quan trong trường hợp cần thiết  
380 đối với các dự án đầu tư khác trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

381 Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ  
382 ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Trong trường hợp này, thời gian lấy ý kiến không  
383 tính vào thời hạn quy định tại điểm b khoản này.

384 3. Hồ sơ dự án đầu tư gồm:

385 a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

386 b) Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

387 c) Đề xuất dự án đầu tư gồm những nội dung sau: mục tiêu đầu tư, địa điểm, quy mô  
388 đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, bảo đảm tài chính cho dự án; thời  
389 hạn, tiến độ đầu tư; nhu cầu sử dụng đất hoặc sử dụng địa điểm đầu tư; phương án  
390 giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); nhu cầu, giải pháp về lao động; công  
391 nghệ dự kiến sử dụng; các giải pháp bảo vệ môi trường; đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư  
392 (nếu có); tác động và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

393 d) Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu  
394 tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài  
395 chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài  
396 chính của nhà đầu tư.

397 Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực  
398 của hồ sơ dự án đầu tư và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

399 4. Nội dung đánh giá hồ sơ dự án đầu tư tại đặc khu gồm:

400 a) Thông tin về nhà đầu tư;

401 b) Mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;

402 c) Việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

403 d) Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch, định hướng và yêu cầu phát triển của  
404 đặc khu;

405 đ) Khả năng tạo việc làm và đóng góp ngân sách nhà nước của dự án;

406 e) Ưu đãi đầu tư, điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có);

407 g) Căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đối với dự án không đề nghị Nhà nước  
408 giao đất, cho thuê đất;

409 h) Nhu cầu, điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật  
410 có liên quan đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho thuê mặt  
411 nước, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

412 i) Khả năng giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);

413 k) Đánh giá về công nghệ đối với dự án có sử dụng công nghệ thuộc danh mục công  
414 nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

415 5. Trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đồng thời với  
416 thành lập tổ chức kinh tế, nhà đầu tư gửi hồ sơ dự án đầu tư theo quy định của Luật  
417 này và hồ sơ đăng ký thành lập tổ chức kinh tế đến Trung tâm hành chính công đặc  
418 khu để được giải quyết theo quy định tại Luật này.

419 6. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại  
420 Điều này.

421 **Điều 22. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại đặc khu theo thủ tục rút**  
422 **gọn**

423 1. Đối với dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho thuê mặt  
424 nước, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu  
425 không phải thực hiện đánh giá nội dung quy định tại các điểm a, b, đ, h và i khoản 4

426 Điều 21 của Luật này; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm  
427 việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư.

428 2. Đối với dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho thuê mặt  
429 nước, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu  
430 tư được thực hiện theo thủ tục rút gọn trong các trường hợp sau đây:

431 a) Dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án thu hút đầu tư của đặc khu: Chủ tịch Ủy ban  
432 nhân dân đặc khu không phải thực hiện nội dung đánh giá quy định tại các điểm b, d, đ  
433 và e khoản 4 Điều 21 của Luật này; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời  
434 hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư; đối với dự án đầu tư  
435 có quy mô vốn đầu tư dưới 6.000 tỷ đồng thì thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký  
436 đầu tư là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư;

437 b) Dự án đầu tư của nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm d khoản 5 Điều 3 của  
438 Luật này: Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu không phải thực hiện đánh giá nội dung  
439 quy định tại các điểm a, b, e khoản 4 Điều 21 của Luật này; cấp Giấy chứng nhận đăng  
440 ký đầu tư trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư;

441 c) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển tại các đặc khu quy định tại Phụ  
442 lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 của Luật này: Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu không phải  
443 thực hiện đánh giá nội dung quy định tại điểm đ và điểm e khoản 4 Điều 21 của Luật  
444 này; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày  
445 nhận được hồ sơ dự án đầu tư; đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 6.000  
446 tỷ đồng thì thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 07 ngày làm việc kể từ  
447 ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư.

448 **Điều 23. Dự án đầu tư tại đặc khu không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận**  
449 **đăng ký đầu tư**

450 Đối với các dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại các điều 20, 21 và 22  
451 của Luật này, nhà đầu tư tự chủ quyết định hoạt động đầu tư kinh doanh phù hợp với  
452 quy định tại Luật này, pháp luật về quy hoạch, xây dựng, bảo vệ môi trường và pháp  
453 luật có liên quan.

454 Điều 24. Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

455 1. Khi có nhu cầu điều chỉnh dự án đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh  
456 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

457 2. Hồ sơ đề xuất điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gồm:

458 a) Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

459 b) Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị điều chỉnh dự án  
460 đầu tư;

461 c) Quyết định về việc điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư (nếu có);

462 d) Tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 21 của Luật này liên quan đến các nội dung điều  
463 chỉnh.

464 3. Nhà đầu tư gửi hồ sơ đề xuất điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến Trung  
465 tâm hành chính công đặc khu. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ  
466 sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu xem xét,  
467 quyết định việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; trường hợp từ chối phải  
468 thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư và nêu rõ lý do.

### 469 **Điều 25. Thủ tục đăng ký thực hiện các hình thức đầu tư khác**

470 1. Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ  
471 chức kinh tế có trụ sở chính tại đặc khu và thay đổi thành viên, cổ đông theo quy định  
472 tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau đây:

473 a) Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế  
474 hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại đặc khu áp dụng đối  
475 với nhà đầu tư nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

476 b) Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức  
477 kinh tế quy định tại khoản 2 Điều này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức  
478 kinh tế có trụ sở chính tại đặc khu.

479 2. Tổ chức kinh tế thuộc một trong các trường hợp sau đây phải đáp ứng điều kiện và  
480 thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư góp  
481 vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế có trụ sở chính tại đặc khu:

482 a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành  
483 viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;

484 b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở  
485 lên;

486 c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ  
487 từ 51% vốn điều lệ trở lên.



488 3. Thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp và thay đổi thành viên, cổ  
489 đông đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện đồng thời  
490 tại Trung tâm hành chính công đặc khu.

491 Trường hợp đáp ứng các điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài thì Trung tâm  
492 hành chính công đặc khu tiến hành đăng ký theo quy định của pháp luật có liên quan;  
493 trường hợp không đáp ứng các điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư  
494 và nêu rõ lý do.

495 4. Nhà đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện thủ tục  
496 thay đổi cổ đông, thành viên tại Trung tâm hành chính công đặc khu theo quy định của  
497 pháp luật khi góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế có trụ sở chính  
498 tại đặc khu. Trường hợp có nhu cầu đăng ký việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp  
499 của tổ chức kinh tế, nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

500 5. Nhà đầu tư thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ  
501 chức, cá nhân có trụ sở chính hoặc nơi cư trú tại đặc khu thực hiện đăng ký đầu tư  
502 theo quy định tại Điều 22 của Luật này, trừ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký kết  
503 theo quy định của pháp luật về dân sự giữa các nhà đầu tư trong nước để thực hiện dự  
504 án đầu tư mà theo quy định của pháp luật về đầu tư không thuộc thẩm quyền quyết  
505 định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp  
506 tỉnh.

507 Hợp đồng hợp tác kinh doanh được lập theo quy định của pháp luật về đầu tư và gửi  
508 kèm theo hồ sơ dự án đầu tư.

509 6. Nhà đầu tư ký kết hợp đồng đối tác công tư với Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu  
510 để thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, quản lý và  
511 vận hành công trình kết cấu hạ tầng hoặc cung cấp dịch vụ công tại đặc khu không  
512 phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

513 Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu công bố Danh mục dự án đầu tư thực hiện theo hình  
514 thức hợp đồng đối tác công tư tại đặc khu. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án  
515 đầu tư theo hình thức hợp đồng đối tác công tư được thực hiện theo quy định tại Điều  
516 36 của Luật này.

517 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập tổ chức kinh tế và hoạt động đầu tư kinh doanh  
518 trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, dầu khí, vận tải hàng không thực  
519 hiện theo quy định tương ứng của Luật Chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật  
520 Kinh doanh bảo hiểm, Luật Dầu khí, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

521 8. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục đăng ký đầu tư quy định tại các khoản 3, 4, 5 và  
522 6 Điều này.

### 523 **Điều 26. Thủ tục khác trong hoạt động đầu tư**

524 1. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, các thủ tục về đất đai, quy hoạch,  
525 xây dựng, môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và Luật  
526 này. Trường hợp có nhu cầu và đáp ứng các điều kiện có liên quan, nhà đầu tư có thể  
527 thực hiện đồng thời các thủ tục quy định tại khoản này với thủ tục đăng ký đầu tư.

528 Chính phủ quy định việc thực hiện hoặc không thực hiện một hoặc một số bước trong  
529 thủ tục về đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường theo quy định của pháp luật có  
530 liên quan đối với dự án đầu tư tại đặc khu.

531 2. Đối với các dự án phải ký quỹ theo pháp luật về đầu tư, căn cứ vào tính chất của  
532 từng dự án và yêu cầu quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định mức ký  
533 quỹ cao hơn quy định của pháp luật về đầu tư, nhưng không quá 5% vốn đầu tư của  
534 dự án.

535 Điều 27. Thủ tục hành chính tích hợp và hệ thống thông tin điện tử về đầu tư kinh  
536 doanh

537 Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu có trách nhiệm:

538 1. Quy định tích hợp thủ tục, cơ chế liên thông giải quyết thủ tục về đăng ký đầu tư,  
539 đăng ký doanh nghiệp và thủ tục khác trong hoạt động đầu tư về đất đai, quy hoạch,  
540 xây dựng, môi trường, lao động, xuất khẩu, nhập khẩu, hải quan, thương mại thuộc  
541 thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu tại Trung tâm hành chính công đặc  
542 khu;

543 2. Xây dựng hệ thống thông tin điện tử để thực hiện đăng ký đầu tư, đăng ký kinh  
544 doanh và các thủ tục sau đầu tư liên quan khác qua mạng.

### 545 **Điều 28. Danh mục dự án thu hút đầu tư**

546 1. Căn cứ quy hoạch đặc khu đã được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu  
547 ban hành và công bố Danh mục dự án thu hút đầu tư theo từng thời kỳ.

548 2. Nội dung Danh mục dự án thu hút đầu tư gồm:

549 a) Tên dự án, mục tiêu, quy mô, địa điểm, dự kiến tiến độ đầu tư; trích lục bản đồ đất  
550 đai, thông tin quy hoạch liên quan;

551 b) Hình thức đầu tư; định hướng lựa chọn nhà đầu tư;

552 c) Ưu đãi đầu tư và các hỗ trợ đầu tư khác (nếu có);

553 d) Trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư.

554 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu có trách nhiệm chủ động chuẩn bị các điều kiện  
555 sau đây để hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án thu hút  
556 đầu tư:

557 a) Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư;

558 b) Phương án huy động nguồn lực và triển khai đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ  
559 thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác theo quy hoạch đặc khu ngoài  
560 hàng rào dự án đầu tư;

561 c) Kế hoạch triển khai, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện đồng bộ các thủ tục liên quan đến  
562 đất đai, xây dựng, môi trường, lao động, xuất nhập khẩu, hải quan, thương mại và các  
563 thủ tục liên quan khác.

#### 564 **Điều 29. Khu thương mại tự do tại đặc khu**

565 1. Khu thương mại tự do tại đặc khu thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ sau  
566 đây:

567 a) Tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập, quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển  
568 hàng hóa; cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu;

569 b) Kinh doanh hàng miễn thuế;

570 c) Trưng bày, giới thiệu, triển lãm hàng hóa và dịch vụ;

571 d) Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, logistics;

572 đ) Sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp, phân loại, đóng gói hàng xuất khẩu, nhập khẩu  
573 và cung cấp dịch vụ liên quan.

574 2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ra, vào khu thương mại tự do của các doanh nghiệp  
575 có dự án đầu tư tại khu thương mại tự do được ưu tiên về thủ tục hải quan, thời hạn  
576 nộp thuế như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp ưu tiên theo  
577 quy định của pháp luật về hải quan và pháp luật về thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

578 3. Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt  
579 động đầu tư kinh doanh tại khu thương mại tự do không phải đáp ứng điều kiện về tỷ  
580 lệ sở hữu vốn điều lệ, hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, đối tác Việt Nam tham gia

581 thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài  
582 quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế có liên quan.

583 4. Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết tổ chức và hoạt động của khu thương mại tự  
584 do.

### 585 **Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược**

586 1. Nhà đầu tư chiến lược có quyền sau đây:

587 a) Được ưu tiên lựa chọn thực hiện dự án đầu tư trên cùng đặc khu trong trường hợp  
588 dự án đầu tư có từ hai nhà đầu tư trở lên quan tâm đề xuất thực hiện; trường hợp có  
589 hai nhà đầu tư chiến lược trở lên quan tâm đề xuất thực hiện thì việc lựa chọn nhà đầu  
590 tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

591 b) Được tham gia đầu tư kinh doanh, quản lý và vận hành các dự án đầu tư phát triển  
592 kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và khu chức năng tại đặc khu theo hình thức  
593 đầu tư phù hợp với quy định tại Luật này;

594 c) Được ưu tiên hỗ trợ thủ tục đầu tư kinh doanh và thực hiện bồi thường, giải phóng  
595 mặt bằng;

596 d) Được tham gia lập quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại đặc khu;

597 đ) Được tổ chức, tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch vào đặc  
598 khu;

599 e) Trường hợp nhà đầu tư chiến lược thực hiện đầu tư dự án khu dịch vụ, du lịch và vui  
600 chơi giải trí tổng hợp có casino thì được tính tổng vốn đầu tư các dự án khác trên địa  
601 bàn đặc khu và các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kết nối tới đặc khu do nhà đầu tư  
602 chiến lược thực hiện, nhưng không quá 50% vốn đầu tư dự án khu dịch vụ, du lịch và  
603 vui chơi giải trí tổng hợp có casino để làm căn cứ xác định khả năng đáp ứng điều kiện  
604 về quy mô vốn, việc giải ngân vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về casino.

605 2. Nhà đầu tư chiến lược có nghĩa vụ sau đây:

606 a) Tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận  
607 đăng ký đầu tư;

608 b) Thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, hiện đại, thân  
609 thiện với môi trường, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với đặc  
610 khu;

611 c) Hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu huy động nguồn lực để thực hiện quy  
612 hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào đặc khu;

613 d) Cung cấp các dịch vụ theo cam kết.

614 3. Nhà đầu tư chiến lược chỉ được hưởng ưu đãi đầu tư và chính sách đặc thù áp dụng  
615 đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại Luật này kể từ khi được Chủ tịch Ủy ban  
616 nhân dân đặc khu xác nhận bằng văn bản đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nhà đầu tư  
617 chiến lược.

618 Trường hợp trong quá trình triển khai dự án, nhà đầu tư không đáp ứng các điều kiện  
619 nhà đầu tư chiến lược thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh ưu đãi  
620 đầu tư, các chính sách đặc thù áp dụng đối với nhà đầu tư chiến lược. Nhà đầu tư chịu  
621 trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình.

## 622 **Điều 31. Hỗ trợ phát triển khởi nghiệp sáng tạo, nghiên cứu và phát triển**

623 1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo,  
624 trung tâm nghiên cứu và phát triển và thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại  
625 đặc khu.

626 2. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc  
627 khu quyết định các hình thức hỗ trợ đầu tư xây dựng, vận hành khu hỗ trợ khởi nghiệp  
628 sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển tại đặc khu.

## 629 **Mục 2: ĐẤT ĐAI, XÂY DỰNG, ĐẤU THẦU, MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾT** 630 **CẤU HẠ TẦNG**

631

## 632 **Điều 32. Quyền và nghĩa vụ về sử dụng đất tại đặc khu**

633 1. Căn cứ vào quy mô, tính chất của dự án đầu tư và đề xuất của nhà đầu tư, Chủ tịch  
634 Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định thời hạn sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh tại  
635 đặc khu không quá 70 năm; trường hợp đặc biệt, thời hạn sử dụng đất có thể dài hơn  
636 nhưng không quá 99 năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

637 2. Tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư được thế chấp tài sản gắn  
638 liền với đất thuê tại đặc khu thuộc sở hữu của mình tại tổ chức tín dụng nước ngoài có  
639 hiện diện thương mại tại Việt Nam để vay vốn đầu tư.

640 Trường hợp xử lý tài sản thế chấp, bên nhận thế chấp chỉ được chuyển nhượng tài sản  
641 gắn liền với đất thuê tại đặc khu cho đối tượng đủ điều kiện được Nhà nước giao đất,  
642 cho thuê đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về  
643 đất đai.

644 3. Việc sử dụng đất tại đặc khu phải phù hợp với quy hoạch đặc khu và các quy hoạch  
645 chi tiết để thực hiện quy hoạch đặc khu.

646 4. Tranh chấp về đất đai tại đặc khu được giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm  
647 quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự và quy định tại Luật này.

648 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định thu hồi đất để thực hiện các dự án  
649 phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng mà phải thu hồi đất tại đặc khu  
650 sau đây:

651 a) Dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;

652 b) Dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng tại đặc khu, dự án đầu tư  
653 bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức;

654 c) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã  
655 hội; trụ sở của tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; công trình di tích lịch sử -  
656 văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia  
657 tưởng niệm, công trình sự nghiệp công tại đặc khu;

658 d) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở đặc khu gồm giao thông, thủy lợi, cấp  
659 nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; hệ thống dẫn, chứa  
660 xăng dầu, khí đốt; kho dự trữ quốc gia; công trình thu gom, xử lý chất thải;

661 đ) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án  
662 tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của  
663 cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa  
664 trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;

665 e) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô  
666 thị, khu dân cư nông thôn; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản  
667 tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

668 g) Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp  
669 khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các  
670 khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản;

671 h) Dự án đầu tư của nhà đầu tư chiến lược quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 5  
672 Điều 3 của Luật này.

673 **Điều 33. Quyền sở hữu nhà ở của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại đặc khu**

674 1. Đối tượng, điều kiện tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại đặc khu  
675 được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở.

676 2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở tại Việt Nam theo  
677 pháp luật về nhà ở có quyền:

678 a) Sở hữu nhà ở thông qua đầu tư xây dựng nhà ở theo dự án tại đặc khu theo Luật  
679 này và pháp luật có liên quan;

680 b) Sở hữu nhà ở thương mại, bao gồm căn hộ chung cư và nhà ở riêng lẻ trong dự án  
681 đầu tư xây dựng nhà ở tại đặc khu, trừ khu vực bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy  
682 hoạch đặc khu, thông qua các hình thức mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế  
683 từ chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

684 3. Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà ở là tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện  
685 theo quy định của pháp luật về nhà ở và quy định của Luật này.

686 **Điều 34. Quyền sở hữu căn hộ khách sạn, biệt thự nghỉ dưỡng, văn phòng**  
687 **làm việc kết hợp lưu trú**

688 1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc đối tượng và đủ điều kiện được sở hữu nhà ở tại  
689 Việt Nam theo pháp luật về nhà ở thì được sở hữu căn hộ khách sạn (condotel), biệt  
690 thự nghỉ dưỡng (resort villa), văn phòng làm việc kết hợp lưu trú (officetel) và các loại  
691 hình tương tự khác thông qua các hình thức mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa  
692 kế từ chủ đầu tư dự án hoặc tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sở hữu bất động sản trong  
693 dự án đầu tư xây dựng bất động sản tại đặc khu, trừ khu vực bảo đảm quốc phòng, an  
694 ninh theo quy hoạch đặc khu.

695 2. Quyền, nghĩa vụ về đất đai của nhà đầu tư và của người sở hữu căn hộ khách sạn,  
696 biệt thự nghỉ dưỡng, văn phòng làm việc kết hợp lưu trú và các loại hình tương tự khác  
697 được xác định tương ứng với hình thức giao đất, cho thuê đất của dự án đầu tư xây  
698 dựng bất động sản theo quy định của pháp luật về đất đai.

699 3. Chính phủ quy định quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài sở hữu bất  
700 động sản quy định tại Điều này.

701 **Điều 35. Cấp giấy phép xây dựng và thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại đặc**  
702 **khu**

703 1. Công trình xây dựng tại đặc khu đáp ứng các điều kiện sau đây không phải thực hiện  
704 thủ tục cấp giấy phép xây dựng:

705 a) Thuộc dự án đầu tư xây dựng tại đặc khu đã có quy hoạch chi tiết về xây dựng tỷ lệ  
706 1/500 được phê duyệt;

707 b) Đã được thẩm định thiết kế xây dựng.

708 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu có thẩm quyền:

709 a) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng đối với tất cả các  
710 công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính của  
711 đặc khu;

712 b) Tổ chức thẩm định dự án, thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng nhóm A trở  
713 xuống sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy  
714 ban nhân dân đặc khu hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư trên địa bàn;  
715 thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình cấp I trở xuống sử dụng  
716 vốn khác được đầu tư xây dựng trên địa bàn đặc khu;

717 c) Tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2  
718 bước); thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước) của dự án đầu  
719 tư xây dựng công trình cấp I trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn đặc khu.

720 3. Cơ quan chuyên môn theo phân cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu có thẩm  
721 quyền chủ trì thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng của dự án được đầu tư  
722 xây dựng trên địa bàn đặc khu thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn  
723 về xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về xây  
724 dựng.

### 725 **Điều 36. Đấu thầu tại đặc khu**

726 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu  
727 đối với dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước thực hiện tại đặc khu, trừ các dự án quan  
728 trọng quốc gia. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu có thể uỷ quyền cho người đứng đầu  
729 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện trách nhiệm của người  
730 có thẩm quyền đối với dự án nhóm B, nhóm C và dự toán mua sắm thường xuyên.

731 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu là cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lựa  
732 chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và dự án có sử  
733 dụng đất thực hiện tại đặc khu, trừ các dự án quan trọng quốc gia. Chủ tịch Ủy ban  
734 nhân dân đặc khu có thể uỷ quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy  
735 ban nhân dân đặc khu thực hiện trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối  
736 với dự án nhóm B và nhóm C.



737 3. Trình tự, thủ tục, nội dung trong lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư quy định  
738 tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

739 **Điều 37. Đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường tại đặc**  
740 **khu**

741 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá  
742 tác động môi trường của các dự án đầu tư tại đặc khu thuộc Danh mục quy định tại  
743 Phụ lục 6 của Luật này mà theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường phải đánh  
744 giá tác động môi trường; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư  
745 tại đặc khu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

746 2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường,  
747 xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ  
748 môi trường.

749 3. Đối với các dự án thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy  
750 định của pháp luật về bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường phải  
751 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi khởi công dự án đầu tư.

752 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho Trưởng  
753 Khu hành chính xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án tại khu hành  
754 chính.

755 **Điều 38. Phương thức phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng**  
756 **xã hội**

757 1. Nhà nước dành một phần vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước để  
758 xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình bảo vệ môi  
759 trường quan trọng tại đặc khu.

760 2. Đối với các nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước có liên quan trực tiếp đến dự án  
761 đầu tư của nhà đầu tư mà chưa bố trí được vốn thì nhà đầu tư đã được lựa chọn theo  
762 quy định của pháp luật được phép đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu về  
763 việc nhà đầu tư ứng trước vốn để thực hiện và phương thức hoàn trả vốn ứng trước.

764 3. Các nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm:

765 a) Bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ  
766 tầng khu tái định cư và các công trình khác ngoài hàng rào dự án đầu tư của nhà đầu  
767 tư theo quy hoạch đặc khu;

768 b) Bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án của nhà đầu tư.

769 4. Nhà đầu tư được đề xuất các phương thức hoàn trả vốn ứng trước quy định tại  
770 khoản 2 Điều này như sau:

771 a) Trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của dự án;

772 b) Được Nhà nước thanh toán bằng quỹ đất để thực hiện dự án đầu tư khác theo hình  
773 thức xây dựng - chuyển giao đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

774 c) Được tính vào vốn đầu tư của dự án đầu tư;

775 d) Trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp của dự án đầu tư khác do nhà đầu  
776 tư thực hiện trên cùng địa bàn đặc khu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối  
777 với từng trường hợp cụ thể.

778 5. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh nơi có đặc khu (sau  
779 đây gọi là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân đặc khu quyết định hỗ trợ  
780 ngân sách để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu chức năng thuộc đặc khu.

### 781 **Mục 3: NGÂN SÁCH VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ**

#### 782 **Điều 39. Ngân sách đặc khu**

783 1. Ngân sách đặc khu là một cấp ngân sách thuộc hệ thống ngân sách nhà nước, tương  
784 đương ngân sách cấp huyện.

785 Nguồn thu, nhiệm vụ chi, việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách đặc khu  
786 thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật này.

787 2. Báo cáo quyết toán ngân sách đặc khu phải được kiểm toán hằng năm trước khi Hội  
788 đồng nhân dân đặc khu phê chuẩn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu có trách nhiệm  
789 gửi Kiểm toán nhà nước báo cáo quyết toán ngân sách đặc khu.

790 Việc kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách đặc khu được thực hiện tương tự kiểm  
791 toán đối với báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước cấp tỉnh. Thời gian kiểm toán báo  
792 cáo quyết toán ngân sách đặc khu tối đa là 15 ngày.

793 3. Ngân sách nhà nước để lại toàn bộ số tăng thu nội địa tại địa bàn đặc khu trong thời  
794 gian không quá 10 năm kể từ khi đặc khu được thành lập để xây dựng hệ thống kết  
795 cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình bảo vệ môi trường quan trọng của đặc  
796 khu và thực hiện chính sách đặc thù theo quy định của Luật này.

797 Số tăng thu nội địa được xác định trên cơ sở số thu nội địa hằng năm so với số thu nội  
798 địa của năm liền kề trước năm đặc khu được thành lập.

799 Riêng số thu nội địa quy định tại khoản này tại đặc khu Phú Quốc không bao gồm số  
800 thu từ tiền sử dụng đất.

801 4. Căn cứ yêu cầu phát triển của từng đặc khu, ngân sách trung ương bổ sung có mục  
802 tiêu cho ngân sách đặc khu để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã  
803 hội, công trình bảo vệ môi trường quan trọng của đặc khu. Mức bổ sung đối với từng  
804 đặc khu do Quốc hội quyết định.

805 Căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công, Chính phủ xây dựng Danh mục dự án  
806 đầu tư công xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình  
807 bảo vệ môi trường quan trọng của từng đặc khu để Quốc hội xem xét, quyết định mức  
808 hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách đặc khu.

809 5. Hằng năm, Chính phủ trình Quốc hội quyết định bổ sung có mục tiêu từ ngân sách  
810 trung ương cho ngân sách đặc khu quy định tại khoản 4 Điều này thông qua ngân sách  
811 tỉnh. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Ủy ban  
812 nhân dân cấp tỉnh giao dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân  
813 sách đặc khu.

814 6. Ngân sách đặc khu được bội chi để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công  
815 trung hạn đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định bằng các nguồn vay trong nước  
816 từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vay trong nước khác theo  
817 quy định của pháp luật.

818 Mức bội chi của ngân sách đặc khu được tính trong mức bội chi của ngân sách cấp tỉnh  
819 nơi có đặc khu đã được Quốc hội quyết định.

820 7. Mức dư nợ vay của ngân sách đặc khu quy định tại khoản 6 Điều này không vượt  
821 quá 70% số thu ngân sách đặc khu được hưởng theo phân cấp. Thu ngân sách đặc khu  
822 được xác định trên cơ sở dự toán ngân sách đặc khu được Hội đồng nhân dân đặc khu  
823 quyết định của năm dự toán.

#### 824 **Điều 40. Ưu đãi thuế thu nhập cá nhân**

825 1. Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời gian 05 năm nhưng không quá năm 2030 và  
826 giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo đối với thu nhập  
827 từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh phát sinh từ đặc khu của cá nhân  
828 làm việc tại đặc khu.

829 2. Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời gian 10 năm nhưng không quá năm 2030 và  
830 giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo đối với thu nhập

831 từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh phát sinh từ đặc khu của nhà quản  
832 lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao làm việc tại đặc khu.

833 3. Nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao quy định tại  
834 khoản 2 Điều này được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật này.

#### 835 **Điều 41. Ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

836 1. Bán hàng miễn thuế cho khách tham quan du lịch tại khu phi thuế quan, khu thương  
837 mại tự do, cửa hàng miễn thuế thuộc đặc khu:

838 a) Khách tham quan du lịch là người nước ngoài được mua hàng miễn thuế tại khu phi  
839 thuế quan, khu thương mại tự do, cửa hàng miễn thuế tại các đặc khu Vân Đồn, Bắc  
840 Vân phong bằng định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh  
841 cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập  
842 khẩu/01 người/01 ngày và không quá 04 lần trong 30 ngày liên tục.

843 Định mức mua hàng miễn thuế đối với khách tham quan du lịch là người nước ngoài tại  
844 khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, cửa hàng miễn thuế tại đặc khu Phú quốc  
845 bằng hai lần định mức quy định tại điểm này;

846 b) Khách tham quan du lịch là người Việt Nam có thời gian lưu trú từ 01 ngày trở lên  
847 (trên 24 giờ) tại cơ sở lưu trú trên địa bàn các đặc khu Vân đồn, Bắc Vân phong được  
848 mua hàng miễn thuế tại khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, cửa hàng miễn thuế  
849 tại đặc khu tương ứng bằng định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người  
850 nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu,  
851 thuế nhập khẩu/01 người/01 ngày và không quá 02 lần trong 30 ngày liên tục.

852 Định mức mua hàng miễn thuế đối với khách tham quan du lịch là người Việt Nam tại  
853 khu phi thuế quan, khu thương mại tự do, cửa hàng miễn thuế tại đặc khu Phú quốc  
854 bằng hai lần định mức quy định tại điểm này;

855 c) Hàng mua miễn thuế theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này được nhận ở khu  
856 cách ly đối với khách du lịch rời đặc khu bằng máy bay, tàu biển; trường hợp rời đặc  
857 khu bằng đường bộ thì nhận hàng tại địa điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu  
858 quy định;

859 d) Quy định tại điểm b khoản này không áp dụng đối với người làm việc thường xuyên  
860 và người ra, vào thường xuyên đặc khu.

861 2. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại đặc khu được miễn  
862 thuế nhập khẩu, bao gồm:

863 a) Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc  
864 sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc,  
865 thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị;

866 b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho  
867 hoạt động sản xuất của dự án;

868 c) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

869 Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp  
870 dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

871 3. Miễn thuế nhập khẩu lần đầu đối với hàng hóa là trang thiết bị nhập khẩu trong nước  
872 chưa sản xuất được hoặc trong nước đã sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được quy  
873 cách tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc chưa phù hợp cho dự án đầu tư để thực hiện các dự án  
874 đầu tư sau đây:

875 a) Dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 5 Điều 3 của Luật này;

876 b) Dự án đầu tư tại đặc khu Vân Đồn thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy định tại  
877 Phụ lục 1 của Luật này;

878 c) Dự án đầu tư tại đặc khu Bắc Vân Phong thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy  
879 định tại Phụ lục 2 của Luật này;

880 d) Dự án đầu tư tại đặc khu Phú Quốc thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy định  
881 tại Phụ lục 3 của Luật này.

882 4. Nhà đầu tư có hàng hoá nhập khẩu thuộc chủng loại trong nước đã sản xuất được  
883 nhưng chưa đáp ứng được quy cách tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc chưa phù hợp cho dự án  
884 đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này phải đăng ký danh mục hàng hóa với Chủ tịch Ủy  
885 ban nhân dân đặc khu.

886 Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu có trách nhiệm phê duyệt và thông báo danh mục  
887 hàng hóa cho cơ quan hải quan.

888 5. Miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 07 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất của dự án  
889 đầu tư đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu  
890 để sản xuất của các dự án đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này.

891 Việc miễn thuế quy định tại khoản này không áp dụng đối với dự án sản xuất, kinh  
892 doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của  
893 pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt.

894 6. Hàng hóa là vật liệu xây dựng từ thị trường trong nước xuất khẩu vào khu phi thuế  
895 quan thuộc đặc khu để xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ  
896 tầng xã hội chung trong khu phi thuế quan được miễn thuế xuất khẩu.

897 **Điều 42. Ưu đãi thuế giá trị gia tăng**

898 Hàng hóa miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1, các khoản  
899 2, 3 và 5 Điều 41 của Luật này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

900 **Điều 43. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp**

901 1. Dự án đầu tư tại đặc khu trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa,  
902 thể thao và môi trường được áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian thực hiện dự  
903 án, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi  
904 có thu nhập chịu thuế.

905 2. Trừ dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, các dự án đầu tư tại đặc khu quy  
906 định tại khoản 3 Điều 41 của Luật này được hưởng thuế suất 10% trong thời gian 30  
907 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ  
908 khi có thu nhập chịu thuế.

909 3. Các dự án đầu tư tại đặc khu thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh hàng hoá,  
910 dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt trên địa bàn đặc khu được hưởng thuế suất 10%  
911 trong thời gian 10 năm, miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05  
912 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

913 4. Thu nhập từ dự án đầu tư kinh doanh bất động sản trên địa bàn đặc khu được  
914 hưởng thuế suất 17% trong thời gian 10 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

915 5. Các dự án đầu tư khác tại đặc khu không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1,  
916 2, 3 và 4 Điều này được hưởng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế 04  
917 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu  
918 thuế.

919 6. Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích  
920 chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá  
921 nhân tại đặc khu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

922 7. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này áp dụng đối với dự án đầu  
923 tư mới; đối với dự án đầu tư mở rộng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

924 **Điều 44. Ưu đãi thuế tiêu thụ đặc biệt**

925 1. Hàng hoá miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41  
926 của Luật này thuộc đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

927 2. Hàng hoá nhập khẩu chưa qua quá trình sản xuất, gia công, sửa chữa hoặc sử dụng  
928 đã nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khi tái xuất khẩu vào khu phi thuế quan thuộc đặc khu  
929 được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp.

930 3. Dịch vụ kinh doanh casino; trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy  
931 jackpot, máy slot và các loại máy tương tự; dịch vụ kinh doanh đặt cược tại đặc khu  
932 được áp dụng mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 10% trong thời hạn 10 năm kể từ  
933 khi có doanh thu từ dịch vụ. Hết thời hạn 10 năm, các dịch vụ này được áp dụng mức  
934 thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

### 935 **Điều 45. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước**

936 1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa cho cả thời hạn thuê đối với các dự án đầu  
937 tư tại đặc khu mà theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành đang được miễn  
938 tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê và các dự án sau đây:

939 a) Dự án đầu tư khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển  
940 tại đặc khu;

941 b) Dự án đầu tư tại đặc khu Phú Quốc thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế  
942 đáp ứng điều kiện quy định tại Phụ lục 3 của Luật này.

943 2. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa không quá 30 năm đối với dự án đầu tư tại  
944 đặc khu thuộc Danh mục dự án cần thu hút đầu tư theo hình thức xã hội hóa thuộc lĩnh  
945 vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, trừ dự án đầu  
946 tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

947 Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Danh mục dự án cần thu hút đầu tư theo  
948 hình thức xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể  
949 thao và môi trường phù hợp với quy hoạch đặc khu.

950 3. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 30 năm nhưng không quá một nửa thời hạn  
951 sử dụng đất đối với dự án đầu tư sau đây tại các đặc khu Vân Đồn, Bắc Vân Phong:

952 a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2  
953 của Luật này;

954 b) Dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 5 Điều 3 của Luật này.

955 4. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 19 năm nhưng không quá một nửa thời hạn  
956 sử dụng đất đối với dự án đầu tư sau đây tại đặc khu Phú Quốc:

957 a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục 3 của Luật  
958 này, trừ dự án đầu tư khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng cao cấp từ 4 sao trở lên,  
959 khách sạn từ 5 sao trở lên và dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

960 b) Dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 5 Điều 3 của Luật này.

961 5. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 15 năm nhưng không quá một nửa thời hạn  
962 sử dụng đất đối với dự án đầu tư khác ngoài dự án đầu tư quy định tại các khoản 1, 2,  
963 3 và 4 Điều này.

964 6. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được  
965 cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày có quyết  
966 định cho thuê đất, thuê mặt nước.

967 7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quy định tiêu chí xác định thời hạn miễn tiền thuê  
968 đất, thuê mặt nước quy định tại Điều này theo từng khu vực, lĩnh vực phù hợp với quy  
969 hoạch đặc khu; quyết định thời hạn miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với từng  
970 trường hợp cụ thể.

#### 971 **Mục 4: LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ AN SINH XÃ HỘI**

##### 972 **Điều 46. Chính sách đối với người lao động**

973 1. Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn đặc khu có trách nhiệm ưu tiên tuyển dụng, sử  
974 dụng lao động bị thu hồi đất, đối tượng tinh giản biên chế, lao động khác là người  
975 thường trú tại đặc khu.

976 Ngoài ưu đãi được hưởng theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, Chủ  
977 tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quy định ưu đãi khác đối với doanh nghiệp sử dụng lao  
978 động quy định tại khoản này.

979 2. Người lao động nước ngoài là chuyên gia, nhà quản lý, giám đốc điều hành có thời  
980 gian làm việc dưới 60 ngày và thời gian cộng dồn không quá 180 ngày/năm tại đặc khu  
981 không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

982 Người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và  
983 thời gian cộng dồn không quá 90 ngày/năm tại đặc khu không thuộc diện cấp giấy  
984 phép lao động.



985 Người sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc  
986 khu việc sử dụng lao động nước ngoài quy định tại khoản này; không phải thực hiện  
987 xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, không phải làm thủ tục xác nhận  
988 người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

989 3. Căn cứ đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của từng đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân  
990 dân đặc khu quy định:

991 a) Tiêu chí cụ thể đối với lao động kỹ thuật là người nước ngoài, nhưng không thấp hơn  
992 tiêu chí theo quy định của pháp luật hiện hành;

993 b) Tỷ lệ hoặc số lượng tối đa lao động kỹ thuật là người nước ngoài làm việc tại doanh  
994 nghiệp thuộc đặc khu theo ngành, nghề;

995 c) Việc sử dụng lao động là người nước ngoài không thuộc đối tượng quy định tại  
996 khoản 2 Điều này của nhà thầu nước ngoài tại đặc khu.

997 4. Mức lương tối thiểu áp dụng tại đặc khu do Chính phủ quy định căn cứ vào tình hình  
998 phát triển của đặc khu trong từng thời kỳ.

999 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu được sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân  
1000 sách địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở, công trình phúc lợi cho người lao động có  
1001 thu nhập thấp.

1002 **Điều 47. Chính sách đối với người làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị**  
1003 **sự nghiệp công lập ở đặc khu**

1004 1. Chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc  
1005 trong các cơ quan của chính quyền địa phương ở đặc khu, đơn vị sự nghiệp công lập  
1006 của đặc khu được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

1007 a) Tiền lương trả theo vị trí việc làm gắn với chức vụ, chức danh;

1008 b) Tiền lương tăng thêm được điều chỉnh theo mức độ phát triển kinh tế và khả năng  
1009 cân đối ngân sách của đặc khu;

1010 c) Tiền lương bảo đảm tính cạnh tranh, phù hợp với thị trường và khu vực doanh  
1011 nghiệp;

1012 d) Các khoản phụ cấp ngoài lương được xác định theo tính chất, đặc điểm công việc.

1013 đ) Tiền thưởng được hưởng trên cơ sở kết quả và mức độ hoàn thành công việc.

1014 2. Chính phủ quy định chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người  
1015 lao động làm việc trong các cơ quan của chính quyền địa phương ở đặc khu, đơn vị sự  
1016 nghiệp công lập của đặc khu.

1017 Căn cứ quy định của Chính phủ, mức độ phát triển kinh tế và khả năng cân đối ngân  
1018 sách của đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định hệ số tiền lương tăng  
1019 thêm; ban hành quy chế tiền thưởng thực hiện tại đặc khu.

1020 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định ký hợp đồng lao động hoặc ủy quyền  
1021 cho người đứng đầu cơ quan của chính quyền địa phương ở đặc khu ký hợp đồng lao  
1022 động với nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia trong nước và ngoài nước có trình độ  
1023 chuyên môn cao trên cơ sở thỏa thuận mức thù lao phù hợp với công việc được giao.

1024 Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định đối tượng nhà quản lý, nhà khoa học,  
1025 chuyên gia có trình độ chuyên môn cao cần thu hút làm việc tại đặc khu.

1026 4. Công chức hợp đồng có thời gian làm việc 05 năm liên tục trở lên tại các cơ quan của  
1027 chính quyền địa phương ở đặc khu, khi chuyển công tác sang các cơ quan, tổ chức  
1028 khác của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thì được xem xét tiếp  
1029 nhận không qua thi tuyển.

1030 5. Cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương ở đặc khu có cam  
1031 kết làm việc ít nhất trong thời gian 10 năm tại đặc khu được hỗ trợ về nhà ở theo quy  
1032 định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu.

1033 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu được sử dụng nguồn chi thường xuyên của ngân  
1034 sách đặc khu và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực  
1035 hiện các chính sách quy định tại Điều này.

1036 7. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ trong phạm vi thẩm quyền của mình quy  
1037 định tiền lương tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm  
1038 việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tại đặc khu không thuộc  
1039 quy định tại khoản 1 Điều này để phù hợp với mức độ phát triển kinh tế tại đặc khu.

#### 1040 **Điều 48. Hỗ trợ đào tạo nghề**

1041 1. Dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng tại đặc khu được ngân sách nhà nước hỗ  
1042 trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động  
1043 thường trú tại đặc khu làm việc cho dự án đầu tư trong thời gian 02 năm kể từ khi dự  
1044 án đi vào hoạt động, trong đó ưu tiên lao động nữ, lao động bị thu hồi đất, đối tượng  
1045 tinh giản biên chế.

1046 2. Việc hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện  
1047 thông qua các cơ sở giáo dục nghề nghiệp do nhà đầu tư lựa chọn và theo phương  
1048 thức cùng chia sẻ chi phí đào tạo nghề giữa Nhà nước và nhà đầu tư.

1049 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu xác định nhu cầu, đối tượng người lao động và  
1050 quyết định phương thức hỗ trợ, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề quy định tại Điều này  
1051 theo từng giai đoạn căn cứ vào trình độ phát triển tại đặc khu.

## 1052 **Mục 5: CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT KHÁC**

### 1053 **Điều 49. Chính sách về tiền tệ, ngân hàng và ngoại hối**

1054 1. Căn cứ vào quy hoạch đặc khu trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  
1055 trình Chính phủ quyết định các chính sách đặc thù về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và  
1056 ngoại hối áp dụng tại từng đặc khu để hỗ trợ sự phát triển của đặc khu và nền kinh tế  
1057 trên cơ sở bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, an ninh tiền tệ quốc gia.

1058 2. Trong phạm vi khu thương mại tự do, khu chế xuất, khu phi thuế quan và các khu  
1059 chức năng khác được áp dụng quy chế khu phi thuế quan tại đặc khu, các giao dịch,  
1060 thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận  
1061 và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú được thực hiện  
1062 bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.

1063 Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn các trường hợp được sử dụng  
1064 ngoại tệ quy định tại khoản này.

### 1065 **Điều 50. Thủ tục hải quan**

1066 Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ra, vào đặc khu của doanh nghiệp có dự án đầu tư sau  
1067 đây được áp dụng thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của  
1068 doanh nghiệp ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan:

1069 1. Dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm d khoản 5 Điều 3 của Luật này;

1070 2. Dự án đầu tư tại đặc khu Vân Đồn thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy định tại  
1071 Phụ lục 1 của Luật này;

1072 3. Dự án đầu tư tại đặc khu Bắc Vân Phong thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy  
1073 định tại Phụ lục 2 của Luật này;

1074 4. Dự án đầu tư tại đặc khu Phú Quốc thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển quy định  
1075 tại Phụ lục 3 của Luật này.

1076 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

1077 **Điều 51. Nhập cảnh, đi lại và cư trú**

1078 1. Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào đặc khu được miễn thị thực với thời  
1079 gian tạm trú tại đặc khu không quá 60 ngày nếu hộ chiếu còn thời hạn sử dụng ít nhất  
1080 90 ngày; trường hợp có nhu cầu đến các địa phương khác ngoài đặc khu thì phải được  
1081 cơ quan quản lý xuất nhập cảnh đặc khu hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh cấp thị  
1082 thực theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước  
1083 ngoài tại Việt Nam.

1084 2. Người nước ngoài nhập cảnh đặc khu được tạm trú không quá 60 ngày tại đặc khu  
1085 trong các trường hợp sau đây:

1086 a) Thuộc diện miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà thời hạn tạm trú dưới 60 ngày;

1087 b) Sử dụng thị thực, thẻ tạm trú, giấy miễn thị thực, thẻ doanh nhân APEC còn thời hạn  
1088 dưới 60 ngày.

1089 3. Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào đặc khu thuộc diện phải có thị thực  
1090 nhưng không thuộc Danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử  
1091 có thể được cấp thị thực điện tử theo quy định của Chính phủ.

1092 **Điều 52. Vận chuyển hàng không quốc tế kết hợp nhiều điểm**

1093 1. Hãng hàng không nước ngoài được phép tham gia vận chuyển hàng không quốc tế  
1094 có ít nhất hai điểm đến hoặc hai điểm đi trong lãnh thổ Việt Nam, trong đó có ít nhất  
1095 một điểm đến hoặc một điểm đi tại đặc khu.

1096 2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc vận chuyển quốc tế kết hợp nhiều  
1097 điểm đến quy định tại khoản 1 Điều này.

1098 **Điều 53. Người chơi casino**

1099 Người Việt Nam được phép vào chơi casino tại điểm kinh doanh casino tại đặc khu theo  
1100 quy định của pháp luật về casino.

1101

1102 **Điều 54. Cơ chế, chính sách đặc biệt khác tại đặc khu Vân Đồn**

1103 1. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Vân Đồn  
1104 quyết định việc hỗ trợ các hoạt động: nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ươm tạo công  
1105 nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; ứng dụng, sản xuất sản phẩm, cung  
1106 ứng dịch vụ công nghệ cao; xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, đào tạo và sử  
1107 dụng hiệu quả đội ngũ nhân lực công nghệ cao.

1108 2. Các hãng hàng không mở mới các tuyến bay đến và đi tại Cảng hàng không Vân Đồn  
1109 được hỗ trợ phí cất hạ cánh, chi phí sân đỗ máy bay và chi phí liên quan tối đa bằng  
1110 30% tổng giá vé của chuyến bay trong 06 tháng đầu tiên kể từ khi mở đường bay mới  
1111 đến Cảng hàng không Vân Đồn, nhưng tối đa không quá 03 tỷ đồng/tuyến.

1112 Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Vân Đồn  
1113 quyết định đối tượng và mức hỗ trợ cụ thể.

1114 3. Người nước ngoài hoạt động trong ngành công nghiệp văn hóa tại đặc khu Vân Đồn  
1115 đáp ứng điều kiện quy định tại Phụ lục 1 của Luật này được cấp thị thực có giá trị nhiều  
1116 lần với thời hạn 12 tháng; trường hợp có giấy phép lao động thì thời hạn thị thực phù  
1117 hợp thời hạn của giấy phép lao động.

1118 4. Công dân của nước láng giềng có chung đường biên giới với Việt Nam tại tỉnh Quảng  
1119 Ninh sử dụng giấy thông hành hợp lệ nhập cảnh vào đặc khu Vân Đồn với mục đích du  
1120 lịch được miễn thị thực với thời hạn xác định; trường hợp có nhu cầu đến các địa điểm  
1121 khác của tỉnh Quảng Ninh để du lịch thì làm thủ tục thông qua doanh nghiệp lữ hành  
1122 quốc tế của Việt Nam.

1123 Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

#### 1124 **Điều 55. Cơ chế, chính sách đặc biệt khác tại đặc khu Bắc Vân Phong**

1125 1. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Bắc Vân  
1126 Phong quyết định việc hỗ trợ các hoạt động: nghiên cứu, sản xuất sản phẩm phần  
1127 mềm, sản phẩm nội dung thông tin số, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm; dịch  
1128 vụ phần mềm, dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin.

1129 2. Căn cứ mức độ phát triển của cảng biển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Bắc Vân  
1130 Phong quyết định thành lập Cơ quan quản lý cảng biển.

1131 Cơ quan quản lý cảng biển được Nhà nước giao vùng đất, vùng nước cảng biển để quy  
1132 hoạch, đầu tư, xây dựng, phát triển, khai thác kết cấu hạ tầng cảng biển, khu hậu cần  
1133 sau cảng; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển  
1134 và khu vực quản lý được giao; đầu mối thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà  
1135 nước về an ninh, kiểm dịch, hải quan, thuế, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường  
1136 và các nhiệm vụ có liên quan khác tại cảng biển.

1137 Chính phủ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ  
1138 quan quản lý cảng biển; chính sách phát triển cảng biển, trung tâm thương mại - tài  
1139 chính gắn với cảng biển tại đặc khu Bắc Vân Phong.

1140 3. Hàng hóa được phép trung chuyển qua cảng biển tại đặc khu Bắc Vân Phong được  
1141 vận chuyển trong lãnh thổ Việt Nam để xuất khẩu qua cửa khẩu khác hoặc xuất khẩu  
1142 trực tiếp.

1143 **Điều 56. Cơ chế, chính sách đặc biệt khác tại đặc khu Phú Quốc**

1144 1. Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có dự án đầu tư từ 110 tỷ đồng trở lên tại đặc khu  
1145 Phú Quốc được cấp thẻ tạm trú đến 10 năm, nếu có chỗ ở hợp pháp thì được cấp thẻ  
1146 thường trú theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người  
1147 nước ngoài tại Việt Nam.

1148 2. Người nước ngoài hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại đặc khu Phú Quốc được cấp  
1149 thị thực có giá trị nhiều lần với thời hạn 12 tháng; trường hợp có giấy phép lao động thì  
1150 thời hạn thị thực phù hợp thời hạn của giấy phép lao động.

1151 Người nước ngoài đang khám bệnh, chữa bệnh tại đặc khu Phú Quốc, nếu có nhu cầu ở  
1152 lại đặc khu quá 60 ngày thì được gia hạn tạm trú trên cơ sở đề nghị của cơ sở khám  
1153 bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của  
1154 người nước ngoài tại Việt Nam.

1155 3. Công dân của nước láng giềng có chung đường biên giới với Việt Nam tại tỉnh Kiên  
1156 Giang sử dụng giấy thông hành hợp lệ nhập cảnh vào đặc khu Phú Quốc với mục đích  
1157 du lịch được miễn thị thực với thời hạn xác định.

1158 4. Trong thời hạn 05 năm kể từ khi thành lập đặc khu, căn cứ vào khả năng cân đối  
1159 ngân sách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc quyết định việc hỗ trợ đối với:

1160 a) Người thường trú tại đặc khu Phú Quốc học nghề trong lĩnh vực du lịch, người học  
1161 nghề tại các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực du lịch tại đặc khu Phú Quốc và cam kết làm  
1162 việc tại đặc khu Phú Quốc;

1163 b) Các chương trình quảng bá du lịch vào đặc khu Phú Quốc.

1164 5. Nhà đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ quản lý tài sản tại đặc khu Phú Quốc được phép  
1165 đề xuất các cơ chế, chính sách về bảo mật thông tin, quản lý tài sản và cơ chế, chính  
1166 sách khác theo thông lệ quốc tế để Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc báo  
1167 cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho phép áp dụng.

1168 Việc áp dụng các cơ chế, chính sách quy định tại khoản này phải phù hợp với nguyên  
1169 tắc quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật này.

1170 6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 và khoản 5 Điều này.

1171 **Chương IV: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ**  
1172 **CƠ QUAN KHÁC CỦA NHÀ NƯỚC Ở ĐẶC KHU**

1173 **Mục 1: TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG Ở ĐẶC KHU**

1174 **Điều 57. Tổ chức đặc khu**

1175 1. Đặc khu Vân Đồn trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, đặc khu Bắc Vân Phong trực thuộc  
1176 tỉnh Khánh Hòa, đặc khu Phú Quốc trực thuộc tỉnh Kiên Giang.

1177 2. Địa giới hành chính, diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các đặc khu Vân Đồn, Bắc  
1178 Vân Phong, Phú Quốc do Quốc hội quyết định khi thành lập.

1179 3. Đặc khu có các khu hành chính được xác định theo ranh giới địa lý.

1180 4. Căn cứ vào diện tích tự nhiên, vị trí địa lý, dân số, tình hình kinh tế - xã hội, yêu cầu  
1181 quản lý và quy hoạch đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu trình Hội đồng nhân  
1182 dân đặc khu thông qua trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định số lượng, việc  
1183 thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh ranh giới và tên gọi khu hành chính thuộc  
1184 đặc khu.

1185 **Điều 58. Tổ chức chính quyền địa phương ở đặc khu**

1186 1. Chính quyền địa phương ở đặc khu là cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng  
1187 nhân dân đặc khu và Ủy ban nhân dân đặc khu.

1188 2. Chính quyền địa phương ở đặc khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền  
1189 địa phương ở thành phố thuộc tỉnh và ở phường theo quy định của pháp luật có liên  
1190 quan và nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật này.

1191 3. Nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân  
1192 dân ở đặc khu thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và  
1193 Luật này, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của đặc khu.

1194 **Điều 59. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân đặc khu**

1195 1. Hội đồng nhân dân đặc khu gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở đặc khu  
1196 bầu ra.

1197 2. Tổng số đại biểu của Hội đồng nhân dân đặc khu không quá 15 người, trong đó đa  
1198 số là đại biểu hoạt động chuyên trách.

1199 3. Số lượng đại biểu của Hội đồng nhân dân đặc khu được xác định dựa trên quy mô  
1200 dân số của đặc khu theo nguyên tắc đặc khu có từ 100.000 dân trở xuống được bầu 12

1201 đại biểu; có trên 100.000 dân thì cứ thêm 20.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu,  
1202 nhưng tổng số không quá 15 đại biểu.

1203 4. Hội đồng nhân dân đặc khu bầu Chủ tịch và 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân đặc  
1204 khu. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân đặc khu hoạt động chuyên trách.

1205 Hội đồng nhân dân đặc khu không tổ chức Thường trực Hội đồng nhân dân và các ban  
1206 của Hội đồng nhân dân.

1207 5. Giúp việc cho Hội đồng nhân dân đặc khu, đại biểu Hội đồng nhân dân đặc khu có  
1208 Văn phòng Hội đồng nhân dân đặc khu.

1209 Nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Hội đồng nhân dân đặc khu do  
1210 Hội đồng nhân dân đặc khu quy định.

1211 Chủ tịch Hội đồng nhân dân đặc khu quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động,  
1212 cách chức, khen thưởng, kỷ luật người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Văn  
1213 phòng Hội đồng nhân dân đặc khu. Số lượng cấp phó của Văn phòng Hội đồng nhân  
1214 dân đặc khu do Chủ tịch Hội đồng nhân dân đặc khu quyết định, nhưng không quá 02  
1215 người.

1216 6. Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức  
1217 và hoạt động của Hội đồng nhân dân đặc khu, hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân  
1218 dân đặc khu trên cơ sở quy định của Luật này và Luật Tổ chức chính quyền địa  
1219 phương, bảo đảm phù hợp với đặc điểm của các đặc khu.

## 1220 **Điều 60. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân đặc khu**

1221 1. Ủy ban nhân dân đặc khu gồm Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch.

1222 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu do Hội đồng nhân dân đặc khu bầu theo giới  
1223 thiệu của Bộ trưởng Bộ Nội vụ trên cơ sở thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp  
1224 tỉnh, được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn.

1225 3. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu do Hội đồng nhân dân đặc khu bầu theo đề  
1226 nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh  
1227 phê chuẩn.

## 1228 **Điều 61. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu**

1229 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu là người đứng đầu Ủy ban nhân dân đặc khu,  
1230 lãnh đạo, điều hành công việc của Ủy ban nhân dân, quyết định, tổ chức thực hiện các  
1231 biện pháp, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trên địa



1232 bàn theo quy định của Hiến pháp, Luật này, pháp luật có liên quan và phân cấp, ủy  
1233 quyền của cơ quan nhà nước cấp trên.

1234 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội  
1235 đồng nhân dân đặc khu, Ủy ban nhân dân đặc khu và cơ quan hành chính nhà nước  
1236 cấp trên.

### 1237 **Điều 62. Bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân đặc khu**

1238 1. Bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân đặc khu gồm:

1239 a) Văn phòng Ủy ban nhân dân đặc khu;

1240 b) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu.

1241 Các cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân đặc  
1242 khu, Chủ tịch nhân dân Ủy ban đặc khu thực hiện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực  
1243 ở đặc khu.

1244 Số lượng cơ quan chuyên môn do Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định, nhưng không  
1245 quá 07 cơ quan;

1246 c) Trung tâm hành chính công đặc khu.

1247 Trung tâm hành chính công đặc khu thực hiện chức năng làm đầu mối tiếp nhận, giải  
1248 quyết theo thẩm quyền hoặc đầu mối phối hợp với các cơ quan chuyên môn giải quyết  
1249 thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban  
1250 nhân dân đặc khu.

1251 2. Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định thành lập, giải thể, tổ chức lại và quy định chức  
1252 năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc  
1253 của Ủy ban nhân dân đặc khu.

1254 Số lượng cấp phó của từng cơ quan thuộc bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân đặc  
1255 khu do Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định, nhưng không quá 02 người.

1256 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động,  
1257 cách chức, khen thưởng, kỷ luật người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ  
1258 quan thuộc bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân đặc khu.

### 1259 **Điều 63. Trưởng Khu hành chính**

1260 1. Trưởng Khu hành chính là người đại diện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu tại  
1261 khu hành chính, thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, thực

1262 hiện các giải pháp quản lý dân cư và các hoạt động quản lý nhà nước khác trên địa bàn  
1263 khu hành chính theo phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu.

1264 Trưởng Khu hành chính là người đứng đầu Văn phòng khu hành chính.

1265 2. Trưởng Khu hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu bổ nhiệm, miễn  
1266 nhiệm, điều động, cách chức, khen thưởng, kỷ luật.

1267 Trưởng Khu hành chính chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu về  
1268 việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

1269 3. Giúp Trưởng Khu hành chính có các Phó Trưởng Khu hành chính do Chủ tịch Ủy ban  
1270 nhân dân đặc khu bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức, khen thưởng, kỷ luật.  
1271 Số lượng Phó Trưởng Khu hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định,  
1272 nhưng không quá 02 người.

1273 4. Trưởng Khu hành chính được sử dụng con dấu mang hình quốc huy.

1274 5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định thành lập, giải thể, tổ chức lại và quy  
1275 định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng khu hành chính.

1276 **Điều 64. Cán bộ, công chức và chế độ công vụ tại đặc khu**

1277 1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân đặc khu, đại biểu chuyên trách Hội đồng  
1278 nhân dân đặc khu, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu, Trưởng Khu hành  
1279 chính, người đứng đầu Văn phòng Hội đồng nhân dân đặc khu và các cơ quan thuộc bộ  
1280 máy giúp việc của Ủy ban nhân dân đặc khu là cán bộ, công chức theo quy định của  
1281 pháp luật về cán bộ, công chức.

1282 2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, công chức làm việc tại Văn phòng Hội  
1283 đồng nhân dân đặc khu, các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân đặc  
1284 khu và Văn phòng khu hành chính được tuyển dụng theo chế độ công chức hợp đồng  
1285 và theo yêu cầu của từng vị trí việc làm.

1286 Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định hoặc ủy quyền cho người trực tiếp sử  
1287 dụng công chức quyết định việc ký kết, chấm dứt hợp đồng với công chức của các cơ  
1288 quan thuộc bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân đặc khu và Văn phòng khu hành  
1289 chính theo nguyên tắc gắn thẩm quyền sử dụng với thẩm quyền tuyển dụng công chức.

1290 Người đứng đầu Văn phòng Hội đồng nhân dân đặc khu quyết định việc ký kết, chấm  
1291 dứt hợp đồng đối với công chức của Văn phòng Hội đồng nhân dân đặc khu.

1292 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu xây dựng Đề án vị trí việc làm tại các cơ quan  
1293 thuộc bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đặc khu, Văn phòng  
1294 khu hành chính trình Hội đồng nhân dân đặc khu thông qua trước khi trình Bộ Nội vụ  
1295 phê duyệt.

1296 Căn cứ vào Danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc  
1297 khu quyết định số lượng người làm việc tại các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc của Hội  
1298 đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đặc khu và Văn phòng khu hành chính.

1299 4. Chính sách đối với cán bộ, công chức quy định tại Điều này được thực hiện theo quy  
1300 định tại Điều 47 của Luật này.

1301 5. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức; nghĩa vụ, quyền và điều kiện bảo đảm  
1302 thi hành công vụ của công chức quy định tại Điều này do Chính phủ quy định trên cơ sở  
1303 quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật này, bảo đảm phù hợp với tổ chức, đặc  
1304 điểm của đặc khu.

1305 **Điều 65. Công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền địa phương**  
1306 **ở đặc khu**

1307 1. Chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật tại đặc khu  
1308 phải được công khai, minh bạch, bảo đảm công bằng, dân chủ.

1309 Hội đồng nhân dân đặc khu, Ủy ban nhân dân đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc  
1310 khu, cơ quan khác của chính quyền địa phương ở đặc khu phải công khai hoạt động  
1311 của mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định  
1312 của Chính phủ.

1313 2. Hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu có trách nhiệm thông báo trên các  
1314 phương tiện thông tin đại chúng về kết quả thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của  
1315 đặc khu để Nhân dân giám sát, kiểm tra.

1316 3. Ngoài những thông tin, nội dung phải công khai theo quy định của pháp luật về tiếp  
1317 cận thông tin và phòng, chống tham nhũng, chính quyền địa phương ở đặc khu có  
1318 trách nhiệm công khai thông tin về các nội dung sau đây:

1319 a) Quy trình, thủ tục giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân trong từng lĩnh vực;

1320 b) Quy hoạch đặc khu, các quy hoạch chi tiết để thực hiện quy hoạch đặc khu, việc  
1321 điều chỉnh quy hoạch và kết quả thực hiện quy hoạch;

1322 c) Các danh mục dự án đầu tư công, dự án thu hút đầu tư của đặc khu, dự án đầu tư  
1323 vốn ngoài ngân sách sử dụng các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao cần lựa

1324 chọn nhà đầu tư; thủ tục đầu tư kinh doanh; thông tin cơ bản về các dự án đầu tư đã  
1325 được phê duyệt hoặc đăng ký và ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với từng dự án; tiến  
1326 độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn đặc khu;

1327 d) Chi tiết số liệu dự toán và quyết toán ngân sách đặc khu đã được cơ quan nhà nước  
1328 có thẩm quyền quyết định, phê chuẩn, kể cả khoản ngân sách bổ sung; chi tiết số liệu  
1329 phân bổ dự toán ngân sách đặc khu; nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức phân bổ chi  
1330 thường xuyên; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; báo cáo kiểm toán ngân  
1331 sách đặc khu.

1332 4. Thông tin về các nội dung phải công khai phải được đăng trên cổng thông tin điện tử  
1333 đặc khu, đồng thời có thể được công khai thông qua các hình thức khác theo quy định  
1334 của pháp luật.

1335 5. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân đặc khu, Ủy ban nhân dân đặc  
1336 khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu phải được đăng Công báo cấp tỉnh và công bố  
1337 trên cổng thông tin điện tử đặc khu.

1338 6. Các cơ quan chính quyền địa phương ở đặc khu có trách nhiệm tạo điều kiện thuận  
1339 lợi để công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin; cung cấp thông tin đầy đủ, chính  
1340 xác và kịp thời theo yêu cầu của công dân phù hợp với quy định của pháp luật về tiếp  
1341 cận thông tin.

## 1342 **Mục 2: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG Ở ĐẶC KHU**

### 1343 **Điều 66. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân đặc khu**

1344 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân đặc khu trong tổ chức và bảo đảm việc  
1345 thi hành Hiến pháp, pháp luật và xây dựng chính quyền:

1346 a) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng  
1347 nhân dân đặc khu;

1348 b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân đặc khu; bầu,  
1349 miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu và đề nghị cấp  
1350 có thẩm quyền phê chuẩn; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân đặc  
1351 khu;

1352 c) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân  
1353 dân đặc khu bầu;

1354 d) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đặc khu và chấp nhận việc đại biểu Hội đồng  
1355 nhân dân đặc khu xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu;

1356 đ) Thông qua số lượng, việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh ranh giới và tên  
1357 gọi khu hành chính trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu trình Thủ tướng Chính  
1358 phủ quyết định;

1359 e) Thông qua Đề án vị trí việc làm tại các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc của Hội đồng  
1360 nhân dân, Ủy ban nhân dân đặc khu, Văn phòng khu hành chính trước khi Chủ tịch Ủy  
1361 ban nhân dân đặc khu trình Bộ Nội vụ phê duyệt;

1362 g) Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân đặc khu,  
1363 Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu, người đứng đầu Văn phòng Hội đồng nhân dân đặc  
1364 khu;

1365 h) Quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Hội đồng nhân dân  
1366 đặc khu.

1367 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân đặc khu trong lĩnh vực kinh tế, tài  
1368 chính, ngân sách:

1369 a) Thông qua quy hoạch đặc khu, điều chỉnh quy hoạch đặc khu trước khi Chủ tịch Ủy  
1370 ban nhân dân đặc khu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

1371 b) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đặc khu;

1372 c) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B sử dụng vốn ngân  
1373 sách đặc khu, trừ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia và  
1374 chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước  
1375 ngoài;

1376 d) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân  
1377 sách đặc khu và phân bổ dự toán ngân sách đặc khu; điều chỉnh dự toán ngân sách  
1378 đặc khu trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách đặc khu;

1379 đ) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên cho các lĩnh  
1380 vực của đặc khu;

1381 e) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách tại đặc  
1382 khu theo quy định khung của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

1383 g) Quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ  
1384 chi có tính chất đặc thù ở đặc khu ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân  
1385 sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển  
1386 kinh tế - xã hội, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng  
1387 cân đối ngân sách của đặc khu;

1388 h) Quyết định phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các nguồn vay  
1389 trong nước khác theo quy định của Chính phủ;

1390 i) Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí  
1391 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh áp dụng trên địa bàn đặc khu theo  
1392 quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

1393 3. Quyết định biện pháp quản lý dân cư và tổ chức đời sống dân cư trên địa bàn.

1394 4. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở đặc khu, việc thực hiện nghị quyết  
1395 của Hội đồng nhân dân đặc khu; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân đặc khu,  
1396 Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân đặc khu  
1397 và Trưởng Khu hành chính; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân  
1398 đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu.

1399 5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp.

#### 1400 **Điều 67. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân đặc khu**

1401 1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân đặc khu quyết định các nội dung quy định tại  
1402 điểm a khoản 1, các điểm b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 2 và khoản 3 Điều 66 của Luật  
1403 này.

1404 2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân đặc khu.

1405 3. Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm C sử dụng vốn ngân sách  
1406 đặc khu.

1407 4. Quyết định chuyển mục đích sử dụng toàn bộ hoặc một phần đất trồng lúa nước, đất  
1408 rừng phù hợp với quy hoạch đặc khu đã được phê duyệt, trừ trường hợp thuộc thẩm  
1409 quyền quyết định của Quốc hội.

1410 5. Ban hành quy chuẩn môi trường về chất thải rắn, nước thải, khí thải và tiếng ồn trên  
1411 địa bàn đặc khu nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn môi trường quốc gia.

1412 6. Ban hành quy chuẩn kỹ thuật để áp dụng trong phạm vi đặc khu đối với sản phẩm,  
1413 hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù của đặc khu và yêu cầu cụ thể về môi trường cho  
1414 phù hợp với đặc điểm của đặc khu với các quy định về kỹ thuật và quản lý nghiêm ngặt  
1415 hơn so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật của tỉnh nơi có đặc khu.

1416 7. Quyết định thành lập, giải thể, tổ chức lại và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền  
1417 hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân đặc  
1418 khu.

1419 8. Quyết định việc thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ  
1420 thuật tại đặc khu với các địa phương nước ngoài.

1421 9. Ban hành quyết định để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân đặc  
1422 khu.

1423 10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.

1424 **Điều 68. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu**

1425 Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1426 1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban  
1427 nhân dân thành phố thuộc tỉnh và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy  
1428 ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật có liên  
1429 quan, trừ nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân đặc khu và Ủy ban nhân dân  
1430 đặc khu quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Luật này.

1431 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quy định tại Chương  
1432 II, Chương III của Luật này và các nhiệm vụ, quyền hạn đặc thù quy định tại các khoản  
1433 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 của Điều này.

1434 3. Trong tổ chức, bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật và xây dựng chính  
1435 quyền:

1436 a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật bằng hình thức quyết định để thực hiện  
1437 nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền;

1438 b) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của  
1439 người đứng đầu các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc của Ủy ban nhân dân đặc khu và  
1440 Trưởng Khu hành chính;

1441 c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập của đặc khu; số  
1442 lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của đặc khu.

1443 4. Trong lĩnh vực kinh tế:

1444 a) Quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B đã được Hội đồng nhân dân  
1445 đặc khu quyết định chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm C  
1446 đã được Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định chủ trương đầu tư;

1447 b) Lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án, ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu  
1448 tư theo hình thức đối tác công tư tại đặc khu đối với dự án mà theo quy định của pháp  
1449 luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân

- 1450 cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ các dự án quan trọng quốc gia và dự  
1451 án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;
- 1452 c) Cấp phép, kiểm tra về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu, xuất khẩu  
1453 và kiểm tra chuyên ngành khác đối với hàng hóa nhập khẩu;
- 1454 d) Phê duyệt, công bố danh mục dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách tại đặc khu sử  
1455 dụng các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao cần lựa chọn nhà đầu tư;
- 1456 đ) Quyết định chỉ định thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu để xây dựng hệ  
1457 thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác ngoài  
1458 hàng rào dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 3 Điều 38 của Luật này;
- 1459 e) Cấp giấy phép về việc thành lập và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của  
1460 doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại đặc khu;
- 1461 g) Cấp, cấp đổi, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa đối với  
1462 doanh nghiệp có trụ sở chính tại đặc khu;
- 1463 h) Thẩm định, công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch tại đặc khu; thẩm định, công nhận  
1464 cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch tại đặc khu;
- 1465 i) Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Quỹ xúc tiến đầu tư,  
1466 thương mại và du lịch từ nguồn ngân sách đặc khu, nguồn hỗ trợ, đóng góp của doanh  
1467 nghiệp và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;
- 1468 k) Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam và giao khu  
1469 vực biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ  
1470 phục vụ nuôi trồng thủy sản trong phạm vi vùng biển tính từ đường mép nước biển  
1471 thấp nhất trung bình trong nhiều năm đến 06 hải lý thuộc phạm vi quản lý;
- 1472 l) Cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản cho tổ chức, cá nhân Việt  
1473 Nam hoạt động khai thác thủy sản tại vùng ven bờ, vùng lộng thuộc phạm vi quản lý  
1474 trong phạm vi hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản và sản lượng cho phép khai thác  
1475 theo loài đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định;
- 1476 m) Quyết định thành lập khu chức năng tại đặc khu phù hợp với quy hoạch đặc khu  
1477 được phê duyệt; ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao, khu nông nghiệp  
1478 ứng dụng công nghệ cao.
- 1479 5. Trong lĩnh vực tài chính, ngân sách:
- 1480 a) Quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc  
1481 phạm vi quản lý của đặc khu mà theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công



- 1482 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy  
1483 ban nhân dân cấp tỉnh;
- 1484 b) Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá  
1485 trên địa bàn đặc khu mà theo quy định của pháp luật về giá thuộc thẩm quyền của Ủy  
1486 ban nhân dân cấp tỉnh;
- 1487 c) Ban hành danh mục kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải kê khai giá  
1488 và tiếp nhận hồ sơ kê khai giá trên địa bàn đặc khu.
- 1489 6. Trong lĩnh vực đô thị, nhà ở, kinh doanh bất động sản, hạ tầng giao thông vận tải:  
1490 a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông  
1491 trên địa bàn đặc khu, trừ đường cao tốc và cảng hàng không;
- 1492 b) Quyết định lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở để phục vụ tái định  
1493 cư, dự án nhà ở xã hội, dự án nhà ở thương mại, dự án khu đô thị trên địa bàn đặc  
1494 khu, trừ trường hợp lựa chọn chủ đầu tư thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá  
1495 dự án có sử dụng đất;
- 1496 c) Quyết định cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản tại  
1497 đặc khu;
- 1498 d) Quyết định giá khởi điểm để đấu giá và phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê quyền  
1499 khai thác tài sản công là kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng tại đặc khu;
- 1500 đ) Quản lý các dịch vụ công ích trên địa bàn đặc khu.
- 1501 7. Trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường:
- 1502 a) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy  
1503 chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  
1504 trên địa bàn đặc khu; quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thực hiện thu hồi  
1505 đất theo thẩm quyền quy định tại Luật này;
- 1506 b) Ban hành bảng giá và hệ số điều chỉnh giá đất tại đặc khu;
- 1507 c) Quyết định giá đất cụ thể để áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định  
1508 của pháp luật về đất đai;
- 1509 d) Quyết định các hình thức hỗ trợ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mà theo quy  
1510 định của pháp luật về đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết  
1511 định các hình thức huy động nguồn vốn hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước và  
1512 các hình thức thanh toán để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- 1513 đ) Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu  
1514 hồi đất tại đặc khu;
- 1515 e) Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi Giấy phép về tài nguyên nước đối với các  
1516 trường hợp thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải tại đặc khu;
- 1517 8. Trong lĩnh vực công thương, hải quan:
- 1518 a) Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ kinh doanh,  
1519 hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện tại đặc khu;
- 1520 b) Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu (C/O) đối với các loại mẫu C/O ưu  
1521 đãi và không ưu đãi tại đặc khu;
- 1522 c) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép thành lập chi nhánh, văn  
1523 phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại đặc khu;
- 1524 d) Cấp giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan  
1525 trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đăng  
1526 ký đầu tư, đăng ký kinh doanh tại đặc khu;
- 1527 đ) Cấp giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu  
1528 thụ đặc biệt, hàng thực phẩm đông lạnh, hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa đã qua  
1529 sử dụng cho doanh nghiệp tại đặc khu;
- 1530 e) Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại  
1531 tại đặc khu;
- 1532 g) Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa cho doanh nghiệp tại đặc khu, trừ  
1533 hàng hóa thuộc diện cấm hoặc tạm ngừng xuất nhập khẩu, hàng hóa chuyên ngành  
1534 quốc phòng, an ninh, tiền tệ, y tế và các loại mặt hàng đặc biệt khác;
- 1535 h) Quyết định, công nhận, công bố thành lập; thu hẹp, mở rộng, di chuyển, chuyển  
1536 quyền sở hữu, tạm dừng, chấm dứt hoạt động của kho ngoại quan, địa điểm thu gom  
1537 hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế, kho hàng không kéo dài, cảng cạn, địa điểm kiểm tra  
1538 hàng hóa tập trung tại đặc khu trên cơ sở tham khảo ý kiến của Tổng cục hải quan;
- 1539 i) Phê duyệt các chương trình quảng cáo - khuyến mại trên địa bàn đặc khu.
- 1540 9. Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ:
- 1541 a) Quyết định biện pháp khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, phát huy sáng  
1542 kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn đặc khu;

1543 b) Thực hiện quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục trên địa  
1544 bàn; quyết định công nhận, không công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề  
1545 nghiệp, hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng tư thục tại đặc khu;

1546 c) Chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển công  
1547 nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao tại đặc khu;

1548 d) Chỉ định tổ chức được quyền chứng nhận sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật đặc  
1549 khu.

1550 10. Trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, lao động, thực hiện chính sách  
1551 xã hội:

1552 a) Cấp Giấy phép phổ biến phim đối với phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình  
1553 do cơ sở điện ảnh tại đặc khu sản xuất hoặc nhập khẩu;

1554 b) Quyết định việc chấp thuận tổ chức liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, liên  
1555 hoan phim quốc tế tại đặc khu;

1556 c) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của  
1557 doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại đặc khu;

1558 d) Thực hiện quản lý nhà nước về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người  
1559 đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu  
1560 trong phạm vi đặc khu;

1561 đ) Quyết định tổ chức giải, phê duyệt điều lệ giải thi đấu vô địch từng môn thể thao  
1562 trên địa bàn đặc khu;

1563 e) Giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực lao động tại đặc khu, bao gồm: tiếp  
1564 nhận thông báo của người sử dụng lao động về việc cho nhiều người lao động thôi việc  
1565 do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc lý do kinh tế của doanh nghiệp; tiếp nhận thoả ước  
1566 lao động tập thể của doanh nghiệp; giải quyết thủ tục đăng ký nội quy lao động của  
1567 các tổ chức, doanh nghiệp; quyết định các nội dung liên quan đến quản lý lao động là  
1568 người nước ngoài theo quy định của pháp luật; tổ chức thẩm định số lượng lao động  
1569 thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội tạm thời nghỉ việc;

1570 g) Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài thuộc diện cấp Giấy phép  
1571 lao động làm việc tại đặc khu; nhận báo cáo xác định nhu cầu và chấp thuận cho người  
1572 sử dụng lao động việc sử dụng lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc và xác  
1573 nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động, trừ trường  
1574 hợp quy định tại khoản 2 Điều 46 của Luật này;

1575 h) Quyết định các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao  
1576 động trên địa bàn đặc khu mà theo pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động thuộc thẩm  
1577 quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội,  
1578 trừ thủ tục điều tra các sự cố, tai nạn lao động và những nội dung thuộc lĩnh vực  
1579 chuyên ngành khác;

1580 i) Phê duyệt phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì  
1581 việc làm; quyết định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho  
1582 người lao động tại các doanh nghiệp ở đặc khu;

1583 k) Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi hoặc nhận lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của  
1584 doanh nghiệp tại đặc khu.

1585 11. Quyết định việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại đặc khu, trừ các hội nghị, hội  
1586 thảo quốc tế thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

1587 12. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.

1588 Điều 69. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Khu hành chính

1589 Trưởng Khu hành chính thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch  
1590 Ủy ban nhân dân phường và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền  
1591 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu, trừ thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm  
1592 pháp luật.

1593 **Mục 3: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN KHÁC CỦA NHÀ NƯỚC Ở**  
1594 **ĐẶC KHU**

1595 **Điều 70. Tòa án nhân dân đặc khu**

1596 1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể Tòa án nhân dân đặc khu  
1597 theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1598 2. Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân đặc khu thực hiện theo quy định của  
1599 Luật này, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan về Tòa  
1600 án nhân dân cấp huyện.

1601 **Điều 71. Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân đặc khu**

1602 1. Tòa án nhân dân đặc khu có thể có Tòa dân sự, Tòa hình sự, Tòa kinh tế, Tòa lao  
1603 động, Tòa gia đình và người chưa thành niên, Tòa hành chính, Tòa xử lý hành chính.  
1604 Trường hợp cần thiết, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thành lập Tòa chuyên  
1605 trách khác theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1606 Căn cứ quy định tại khoản này và yêu cầu, thực tế xét xử ở mỗi Tòa án nhân dân đặc  
1607 khu, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định việc tổ chức Tòa chuyên trách.

1608 2. Tòa án nhân dân đặc khu có Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa,  
1609 Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên, công chức  
1610 khác và người lao động. Tòa án nhân dân đặc khu có thể có Thẩm phán cao cấp.

1611 3. Tòa án nhân dân đặc khu có bộ máy giúp việc. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao  
1612 quyết định thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc.

### 1613 **Điều 72. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân đặc khu**

1614 Tòa án nhân dân đặc khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 73 của  
1615 Luật này và Điều 44 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân về nhiệm vụ, quyền hạn của  
1616 Tòa án nhân dân cấp huyện.

### 1617 **Điều 73. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân đặc khu**

1618 1. Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia  
1619 đình, kinh doanh, thương mại, lao động quy định từ Điều 26 đến Điều 33, Điều 39 và  
1620 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1621 2. Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm khiếu kiện hành chính quy định tại Điều 31 của Luật  
1622 Tố tụng hành chính.

1623 3. Quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh mà người khởi  
1624 kiện có nơi cư trú, nơi làm việc hoặc trụ sở trên cùng phạm vi địa giới hành chính với  
1625 Tòa án nhân dân đặc khu.

1626 4. Giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính tại đặc khu.

1627 5. Xét xử các vụ án hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269 và  
1628 Điều 270 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1629 6. Xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại  
1630 khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp  
1631 xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

1632 7. Thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh được thực  
1633 hiện theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp và các quy định khác của pháp luật tố  
1634 tụng khi giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân đặc khu.

1635 8. Giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật.

1636 9. Việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân  
1637 dân đặc khu chưa có hiệu lực pháp luật, giải quyết khiếu nại, kiến nghị đối với quyết  
1638 định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái  
1639 thẩm bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đặc khu đã có hiệu lực pháp luật do Tòa  
1640 án nhân dân cấp tỉnh nơi có đặc khu thực hiện.

1641 **Điều 74. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền**

1642 1. Tranh chấp về thẩm quyền giữa Tòa án nhân dân đặc khu và Tòa án nhân dân cấp  
1643 huyện khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Chánh án Tòa án  
1644 nhân dân cấp tỉnh giải quyết.

1645 2. Tranh chấp về thẩm quyền giữa Tòa án nhân dân đặc khu với Tòa án nhân dân cấp  
1646 huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác hoặc với Tòa án nhân dân  
1647 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc thẩm quyền giải quyết theo lãnh thổ của  
1648 Tòa án nhân dân cấp cao thì do Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao giải quyết.

1649 3. Tranh chấp về thẩm quyền giữa Tòa án nhân dân đặc khu với Tòa án nhân dân cấp  
1650 huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác, với Tòa án nhân dân đặc khu  
1651 khác hoặc với Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thuộc thẩm  
1652 quyền giải quyết theo lãnh thổ của các Tòa án nhân dân cấp cao khác nhau thì do  
1653 Chánh án Tòa án nhân dân tối cao giải quyết.

1654 **Điều 75. Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân đặc khu**

1655 1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể Viện kiểm sát nhân dân  
1656 đặc khu theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

1657 2. Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân đặc khu thực hiện theo quy định  
1658 của Luật này, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và quy định của pháp luật có liên  
1659 quan về Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

1660 3. Viện kiểm sát nhân dân đặc khu thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư  
1661 pháp trong phạm vi đặc khu.

1662 4. Viện kiểm sát nhân dân đặc khu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của  
1663 Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong hoạt động tương trợ tư pháp được quy định tại  
1664 Luật Tương trợ tư pháp và các quy định khác của pháp luật có liên quan khi thực hiện  
1665 thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân đặc khu.

1666 **Điều 76. Tổ chức và hoạt động của Cơ quan Thi hành án dân sự đặc khu**

1667 1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập, giải thể Chi cục thi hành án dân sự đặc  
1668 khu theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục thi hành án dân sự.

1669 Tổ chức bộ máy của Cơ quan thi hành án dân sự đặc khu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp  
1670 quyết định.

1671 2. Cơ quan thi hành án dân sự đặc khu có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định sau:

1672 a) Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân đặc khu nơi cơ quan thi hành án  
1673 dân sự có trụ sở;

1674 b) Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh đối với bản án, quyết  
1675 định sơ thẩm của Tòa án nhân dân đặc khu nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở;

1676 c) Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đối với bản án,  
1677 quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân đặc khu nơi cơ quan thi hành  
1678 án dân sự có trụ sở;

1679 d) Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện nơi khác, cơ quan thi  
1680 hành án dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác.

1681 đ) Quyết định của Tòa án nhân dân tối cao chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân  
1682 sự đặc khu;

1683 e) Bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài  
1684 được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;

1685 g) Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại đối với vụ việc phát sinh trên địa  
1686 bàn đặc khu;

1687 h) Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh đối với vụ  
1688 việc phát sinh trên địa bàn đặc khu.

1689 3. Các bản án, quyết định quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm cả các trường hợp có  
1690 đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp về thi hành án dân  
1691 sự tại đặc khu.

1692 **Điều 77. Tổ chức và hoạt động của cơ quan quân sự, các đơn vị quân đội trên**  
1693 **địa bàn đặc khu**

1694 1. Tổ chức cơ quan quân sự và đơn vị biên phòng tại đặc khu.

1695 2. Các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn đặc khu được tổ chức theo yêu cầu  
1696 nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

1697 3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ,  
1698 quyền hạn, hoạt động của cơ quan quân sự, đơn vị biên phòng, cảnh sát biển và các  
1699 đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn đặc khu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ,  
1700 quyền hạn quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan, phù hợp với tổ chức, đặc  
1701 điểm của đặc khu.

1702 **Điều 78. Tổ chức và hoạt động của cơ quan công an trên địa bàn đặc khu**

1703 1. Tổ chức cơ quan Công an tại đặc khu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
1704 của Công an thành phố thuộc tỉnh và của Công an xã, phường, thị trấn trên địa bàn đặc  
1705 khu.

1706 2. Công an đặc khu bao gồm các cơ quan thực hiện nhiệm vụ điều tra, thi hành án hình  
1707 sự, quản lý tạm giữ, tạm giam và các đơn vị khác.

1708 3. Cơ quan điều tra đặc khu có thẩm quyền tương đương cơ quan điều tra cấp huyện.  
1709 Tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan điều tra đặc khu theo quy định  
1710 về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan điều tra cấp huyện quy định  
1711 tại Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự và Luật này.

1712 4. Cơ quan thi hành án hình sự đặc khu có thẩm quyền tương đương cơ quan thi hành  
1713 án hình sự cấp huyện. Tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành  
1714 án hình sự đặc khu theo quy định về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ  
1715 quan thi hành án hình sự cấp huyện quy định tại Luật Thi hành án hình sự, Luật Thi  
1716 hành tạm giữ, tạm giam và Luật này.

1717 5. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể tổ chức bộ máy của Công an đặc khu để thực  
1718 hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan,  
1719 phù hợp với tổ chức, đặc điểm của đặc khu.

1720 **Điều 79. Tổ chức và hoạt động của cơ quan tài chính, ngân hàng trên địa bàn**  
1721 **đặc khu**

1722 1. Tổ chức một cơ quan tài chính trên địa bàn đặc khu để thực hiện chức năng, nhiệm  
1723 vụ, quyền hạn của Chi cục thuế, kho bạc nhà nước cấp huyện và Chi cục hải quan theo  
1724 quy định của pháp luật có liên quan và Luật này.

1725 Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thành lập và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ,  
1726 quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan tài chính đặc khu.

1727 2. Căn cứ mức độ phát triển của đặc khu, Chính phủ quyết định thành lập chi nhánh  
1728 ngân hàng nhà nước tại đặc khu để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ,  
1729 hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn.



1730 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền  
1731 hạn và cơ cấu tổ chức của chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tại đặc khu.

1732 **Điều 80. Ban tư vấn, hỗ trợ phát triển đặc khu**

1733 1. Ban tư vấn, hỗ trợ phát triển đặc khu do Thủ tướng Chính phủ thành lập tại từng đặc  
1734 khu theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện các nhiệm vụ sau  
1735 đây:

1736 a) Tư vấn, phản biện và có ý kiến với Ủy ban nhân dân đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân  
1737 dân đặc khu về các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này;

1738 b) Cảnh báo các cơ quan chính quyền địa phương ở đặc khu về những rủi ro, hạn chế,  
1739 bất cập trong hoạt động của các cơ quan chính quyền địa phương ở đặc khu;

1740 c) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a  
1741 khoản này và các nhiệm vụ khác có liên quan; giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi,  
1742 đánh giá hoạt động của Ủy ban nhân dân đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu;  
1743 kiến nghị với Thủ tướng về những vấn đề có liên quan đến phát triển của đặc khu.

1744 2. Ban tư vấn, hỗ trợ phát triển đặc khu gồm các thành viên là đại diện cơ quan nhà  
1745 nước, chuyên gia, nhà khoa học, đại diện nhà đầu tư chiến lược, đại diện cộng đồng  
1746 doanh nghiệp tại đặc khu và thành viên khác.

1747 3. Số lượng thành viên của Ban tư vấn, hỗ trợ phát triển đặc khu không quá 11 người  
1748 gồm Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban và các thành viên.

1749 4. Ủy ban nhân dân đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu có trách nhiệm xin ý  
1750 kiến của Ban tư vấn, hỗ trợ phát triển đặc khu về các nội dung sau đây trước khi quyết  
1751 định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định:

1752 a) Các nội dung mà Ủy ban nhân dân đặc khu trình Hội đồng nhân dân đặc khu quyết  
1753 định;

1754 b) Các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân đặc khu quy định tại các  
1755 khoản 4, 5 và 6 Điều 67 của Luật này;

1756 c) Các nội dung mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu trình Hội đồng nhân dân đặc  
1757 khu quyết định; các nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu  
1758 quy định tại khoản 2 Điều 18, điểm m khoản 4, điểm b khoản 7, điểm a khoản 9 Điều  
1759 68 của Luật này.

1760 Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Ủy ban nhân dân đặc khu, Chủ tịch Ủy ban nhân  
1761 dân đặc khu và Ban tư vấn, hỗ trợ phát triển đặc khu, Ủy ban nhân dân đặc khu, Chủ  
1762 tịch Ủy ban nhân dân đặc khu được quyền quyết định, nhưng phải nêu rõ lý do bằng  
1763 văn bản gửi Ban tư vấn, hỗ trợ phát triển đặc khu.

1764 5. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế, điều kiện bảo đảm hoạt động của  
1765 Ban tư vấn, hỗ trợ phát triển đặc khu do Thủ tướng Chính phủ quy định.

1766 **Chương V: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC Ở TRUNG**  
1767 **ƯƠNG VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG Ở TỈNH ĐỐI VỚI ĐẶC KHU**

1768 **Điều 81. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

1769 1. Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1770 a) Trình Quốc hội đề án thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đặc khu;

1771 b) Quy định về trình tự, thủ tục và các nội dung khác để giải quyết các vấn đề phát  
1772 sinh trong quá trình thực hiện các cơ chế, chính sách đặc biệt và các nhiệm vụ, quyền  
1773 hạn của chính quyền địa phương ở đặc khu quy định tại Luật này theo nguyên tắc đơn  
1774 giản, thuận tiện, bảo đảm cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu quản lý, có thể khác với quy  
1775 định có liên quan của luật khác nhưng phải phù hợp với quy định tại Luật này và không  
1776 trái Hiến pháp;

1777 c) Hướng dẫn tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ở đặc khu;  
1778 trụ sở, kinh phí hoạt động, bộ máy giúp việc của chính quyền địa phương ở đặc khu  
1779 trên cơ sở quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật này, bảo đảm  
1780 phù hợp với đặc điểm của các đặc khu;

1781 d) Quyết định việc phân cấp cho chính quyền địa phương ở đặc khu thực hiện các  
1782 nhiệm vụ, quyền hạn khác của cơ quan nhà nước cấp trên trong các lĩnh vực quản lý  
1783 nhà nước ở đặc khu được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban  
1784 hành;

1785 đ) Hằng năm, báo cáo Quốc hội về tình hình thực hiện Luật Đơn vị hành chính - kinh tế  
1786 đặc biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc.

1787 e) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

1788 2. Thủ tướng Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- 1789 a) Phê chuẩn việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu;  
1790 quyết định điều động, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc  
1791 khu;
- 1792 b) Quyết định số lượng, việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh ranh giới và tên  
1793 gọi khu hành chính thuộc đặc khu;
- 1794 c) Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về xây dựng các đặc khu do Thủ tướng Chính phủ  
1795 làm Trưởng Ban để giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo phối hợp giải quyết  
1796 những công việc quan trọng, liên ngành liên quan đến các đặc khu theo đề nghị của Bộ  
1797 trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- 1798 d) Quyết định việc phân cấp cho chính quyền địa phương ở đặc khu thực hiện các  
1799 nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước cấp trên trong các lĩnh vực quản lý nhà  
1800 nước ở đặc khu được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính  
1801 phủ ban hành;
- 1802 đ) Tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan trung ương và địa  
1803 phương đối với đặc khu;
- 1804 e) Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương ở đặc khu;
- 1805 g) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

1806 **Điều 82. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ**

- 1807 1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về xây dựng các đặc khu  
1808 và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
- 1809 a) Là đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn  
1810 đề phát sinh trong quá trình hoạt động của các đặc khu;
- 1811 b) Chủ trì tổng hợp, đánh giá về hiệu quả hoạt động của các đặc khu;
- 1812 c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất với cơ quan có thẩm quyền  
1813 ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển đặc khu.
- 1814 2. Bộ Nội vụ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình hướng dẫn hoặc đề xuất với  
1815 cơ quan có thẩm quyền quy định, hướng dẫn về tổ chức bộ máy, công chức, chế độ  
1816 công vụ tại đặc khu, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao  
1817 động trong các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương ở đặc khu.
- 1818 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ hướng dẫn những nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà  
1819 nước chuyên ngành của mình đối với đặc khu được Luật này hoặc cơ quan nhà nước có

1820 thẩm quyền giao; giải quyết các vấn đề phát sinh của đặc khu thuộc thẩm quyền; quyết  
1821 định việc phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương ở đặc khu thực hiện nhiệm  
1822 vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành của mình ngoài những  
1823 nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật này.

1824 **Điều 83. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

1825 1. Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương, quyết định bổ sung ngân  
1826 sách cho ngân sách đặc khu để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã  
1827 hội, công trình bảo vệ môi trường quan trọng của đặc khu theo quy định của Luật Ngân  
1828 sách nhà nước và thực hiện chính sách đặc thù quy định tại Luật này.

1829 2. Quyết định việc phân cấp cho chính quyền địa phương ở đặc khu thực hiện nhiệm  
1830 vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn quy  
1831 định tại Luật này.

1832 3. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

1833 **Điều 84. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân**  
1834 **dân cấp tỉnh**

1835 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1836 a) Quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương ở đặc khu thực  
1837 hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ngoài những nhiệm vụ, quyền  
1838 hạn quy định tại Luật này;

1839 b) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

1840 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1841 a) Cho ý kiến về nhân sự Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu theo đề nghị của Bộ  
1842 trưởng Bộ Nội vụ để Hội đồng nhân dân đặc khu bầu;

1843 b) Đề nghị Hội đồng nhân dân đặc khu xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban  
1844 nhân dân đặc khu;

1845 c) Quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương ở đặc khu thực  
1846 hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ngoài những nhiệm  
1847 vụ, quyền hạn quy định tại Luật này;

1848 d) Tổ chức việc thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân  
1849 tại đặc khu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ;

1850 đ) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

1851 Chương VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1852 **Điều 85. Sửa đổi, bổ sung Điều 75 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương**

1853 Sửa đổi, bổ sung Điều 75 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13  
1854 như sau:

1855 “Điều 75. Tổ chức chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

1856 1. Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt gồm có Hội đồng  
1857 nhân dân và Ủy ban nhân dân. Nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động của Hội  
1858 đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thực hiện trên  
1859 cơ sở quy định của Luật này và Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, bảo đảm phù  
1860 hợp với đặc điểm của đặc khu.

1861 2. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, số lượng thành viên Ủy ban nhân dân, cơ cấu  
1862 tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của  
1863 Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Luật  
1864 Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt quy định.”

1865 **Điều 86. Hiệu lực thi hành**

1866 Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2018.

1867 **Điều 87. Quy định chi tiết**

1868 Chính phủ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết các điều, khoản được  
1869 giao trong Luật; hướng dẫn các nội dung cần thiết khác theo thẩm quyền để thi hành  
1870 Luật này.

1871 **Điều 88. Điều khoản chuyển tiếp**

1872 Kể từ ngày Nghị quyết của Quốc hội về thành lập đặc khu Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh),  
1873 Nghị quyết của Quốc hội về thành lập đặc khu Bắc Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa), Nghị  
1874 quyết của Quốc hội về thành lập đặc khu Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang) (sau đây gọi là  
1875 Nghị quyết thành lập đặc khu) có hiệu lực thi hành:

1876 1. Việc chuyển tiếp về tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương ở các đặc khu  
1877 được thực hiện như sau:

1878 a) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), huyện Vạn  
1879 Ninh (tỉnh Khánh Hòa), huyện Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang) tiếp tục hoạt động cho đến

1880 khi Hội đồng nhân dân đặc khu, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu  
1881 ở Vân Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc được bầu ra theo quy định của pháp luật về bầu  
1882 cử.

1883 Việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đặc khu được thực hiện theo quy định tương  
1884 tự tại Chương IX của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Ủy  
1885 ban nhân dân các tỉnh Quảng Ninh, Khánh Hòa, Kiên Giang, sau khi thống nhất với  
1886 Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam  
1887 cùng cấp thành lập Ủy ban bầu cử để tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đặc  
1888 khu;

1889 b) Hội đồng nhân dân đặc khu bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân  
1890 dân đặc khu theo quy định tại Điều 59 và Điều 60 của Luật này và hoạt động đến khi  
1891 Hội đồng nhân dân đặc khu, Ủy ban nhân dân đặc khu nhiệm kỳ 2021- 2026 được bầu  
1892 ra;

1893 c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc huyện Vân Đồn (tỉnh Quảng  
1894 Ninh), huyện Vạn Ninh (tỉnh Khánh Hòa), huyện Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang) tiếp tục  
1895 hoạt động cho đến khi Trưởng khu hành chính thuộc đặc khu được bổ nhiệm theo quy  
1896 định của Luật này.

1897 Trường hợp một hoặc một số đơn vị hành chính cấp xã được điều chỉnh địa giới hành  
1898 chính để thành lập đơn vị hành chính mới ngoài đặc khu hoặc nhập vào đơn vị hành  
1899 chính cấp huyện khác thì tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương ở các đơn vị  
1900 hành chính này được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa  
1901 phương.

1902 2. Việc chuyển tiếp về hoạt động của các cơ quan tư pháp được thực hiện như sau:

1903 a) Đối với những vụ, việc thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan tư pháp ở đặc  
1904 khu mà các cơ quan tư pháp cấp huyện đang giải quyết, nhưng chưa kết thúc trước  
1905 ngày Nghị quyết thành lập đặc khu có hiệu lực thì các cơ quan tư pháp ở đặc khu tiếp  
1906 tục giải quyết theo thủ tục chung;

1907 b) Đối với những vụ, việc thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan tư pháp ở đặc  
1908 khu mà các cơ quan tư pháp cấp tỉnh nơi có đặc khu đang giải quyết, nhưng chưa kết  
1909 thúc trước ngày Nghị quyết thành lập đặc khu có hiệu lực thì các cơ quan tư pháp cấp  
1910 tỉnh tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

1911 Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi  
1912 hành khoản này.

1913 3. Dự án đầu tư tại đặc khu đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư,  
1914 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Nghị quyết thành lập đặc khu có hiệu lực  
1915 thi hành và đang trong thời gian được hưởng ưu đãi đầu tư thì tiếp tục được hưởng cho  
1916 thời gian ưu đãi còn lại.

1917 4. Dự án đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển  
1918 quy định tại Phụ lục 1 đối với đặc khu Vân Đồn, Phụ lục 2 đối với đặc khu Bắc Vân  
1919 Phong, Phụ lục 3 đối với đặc khu Phú Quốc ban hành kèm theo Luật này được lựa chọn  
1920 ưu đãi đầu tư đang hưởng hoặc ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật này cho thời gian  
1921 còn lại kể từ ngày Nghị quyết thành lập đặc khu có hiệu lực thi hành.

1922 Nhà nước không xem xét lại đối với nghĩa vụ tài chính về đất đai trong trường hợp  
1923 được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần  
1924 đã thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật  
1925 trước ngày Nghị quyết thành lập đặc khu có hiệu lực thi hành.

1926 5. Văn bản, giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân có liên quan  
1927 đến đặc khu Vân Đồn, Bắc Vân Phong và Phú Quốc trước ngày Nghị quyết thành lập  
1928 đặc khu có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị sử dụng và không phải thực hiện thủ tục cấp  
1929 đổi. Trường hợp có yêu cầu, trong phạm vi thẩm quyền của mình, Chủ tịch Ủy ban  
1930 nhân dân đặc khu cấp đổi, điều chỉnh, thay đổi, cải chính, bổ sung, thu hồi văn bản,  
1931 giấy tờ đã cấp cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản này.

1932 6. Hồ sơ thủ tục hành chính được thụ lý trước ngày Nghị quyết thành lập đặc khu có  
1933 hiệu lực thi hành mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được các cơ quan có thẩm quyền  
1934 giải quyết theo quy định của pháp luật có liên quan tại thời điểm thụ lý.

1935 CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

1936 Nguyễn Thị Kim Ngân

1937

1938 Lê Chi

1939 Theo Thư viện Quốc hội

1940